



ĐIỀU LỆ

**TỔNG CÔNG TY MÁY ĐỘNG LỰC
VÀ MÁY NÔNG NGHIỆP VIỆT NAM-CTCP**
(Dự thảo)



Hà Nội, tháng 01 năm 2017

PHẦN MỞ ĐẦU

Điều lệ Tổng công ty Máy động lực và Máy nông nghiệp Việt Nam-CTCP được thông qua theo quyết định hợp lệ của Đại hội đồng cổ đông lần đầu tổ chức vào ngày tháng 01 năm 2017.

CHƯƠNG I NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Giải thích thuật ngữ

Trong Điều lệ này, các thuật ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. "*Tổng công ty*" có nghĩa là Tổng công ty Máy động lực và Máy nông nghiệp Việt Nam-CTCP;

2. "*Công ty mẹ*" trong Tổng công ty có tư cách pháp nhân, được thành lập và hoạt động theo Điều lệ này. Công ty mẹ là chủ sở hữu vốn do công ty mẹ đầu tư tại các công ty con, công ty liên kết;

3. "*Công ty con*" là công ty do Tổng công ty nắm quyền chi phối. Công ty con được tổ chức dưới hình thức công ty TNHH một thành viên trong trường hợp công ty mẹ nắm giữ 100% vốn điều lệ hoặc công ty cổ phần trong trường hợp công ty mẹ nắm quyền chi phối;

4. "*Công ty liên kết*" là công ty cổ phần, vốn góp dưới mức chi phối của công ty mẹ;

5. "*Đơn vị trực thuộc*" là các đơn vị hạch toán phụ thuộc công ty mẹ. Đơn vị trực thuộc được tổ chức dưới hình thức Nhà máy, Chi nhánh, Ban quản lý v.v...

6. "*Vốn điều lệ*" là tổng giá trị mệnh giá cổ phần đã bán các loại hoặc đã được đăng ký mua khi thành lập và quy định tại Điều 8 của Điều lệ này;

7. "*Người quản lý doanh nghiệp*" là người quản lý Tổng công ty, bao gồm: Chủ tịch Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc và Kế toán trưởng Tổng công ty;

8. "*Cổ đông*" là cá nhân, tổ chức sở hữu ít nhất một cổ phần của Tổng công ty;

9. "*Cổ đông lớn*" là cổ đông sở hữu trực tiếp hoặc gián tiếp từ năm phần trăm trở lên số cổ phiếu có quyền biểu quyết của Tổng công ty;

10. "*Luật Doanh nghiệp*" là Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 ngày 26 tháng 11 năm 2014;

11. "*Người có liên quan*" là tổ chức, cá nhân có quan hệ trực tiếp hoặc gián tiếp với VEAM được quy định tại khoản 17 Điều 4 Luật Doanh nghiệp;

12. "*Thời hạn hoạt động*" là thời hạn hoạt động của Tổng công ty được quy định tại Điều 2 của Điều lệ này;

13. "*Việt Nam*" là nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam;

14. “*Cổ tức*” là khoản lợi nhuận ròng được trả cho mỗi cổ phần bằng tiền mặt hoặc bằng tài sản khác từ nguồn lợi nhuận còn lại của VEAM sau khi đã thực hiện nghĩa vụ về tài chính;

15. “*Giá thị trường của phần vốn góp hoặc cổ phần*” là giá giao dịch trên thị trường cao nhất ngày hôm trước, giá thỏa thuận giữa người bán và người mua, hoặc giá do một tổ chức thẩm định giá chuyên nghiệp xác định;

16. “*Góp vốn*” là việc góp tài sản để tạo thành vốn điều lệ của Tổng công ty. Góp vốn bao gồm: góp vốn để thành lập doanh nghiệp hoặc góp thêm vốn điều lệ của doanh nghiệp đã được thành lập;

17. “*Cổ phần có quyền biểu quyết*” là cổ phần mà người sở hữu có quyền biểu quyết về những vấn đề thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông;

18. “*Cổ phần đã bán*” là số cổ phần được quyền chào bán đã được các cổ đông thanh toán đủ cho VEAM. Tại thời điểm đăng ký thành lập doanh nghiệp, cổ phần đã bán là tổng số cổ phần các loại đã được đăng ký mua;

19. “*Cổ phần được quyền chào bán của Tổng công ty*” là tổng số cổ phần các loại mà Đại hội đồng cổ đông quyết định sẽ chào bán để huy động vốn;

20. “*Cổ phần chưa bán*” là cổ phần được quyền chào bán và chưa được thanh toán;

21. “*Cổ phiếu*” là chứng chỉ do Tổng công ty phát hành, bút toán ghi sổ hoặc dữ liệu điện tử xác nhận quyền sở hữu một hoặc một số cổ phần của Tổng công ty;

22. “*Chào bán cổ phần*” là việc Tổng công ty tăng thêm số lượng cổ phần được quyền chào bán và bán các cổ phần đó để tăng vốn điều lệ;

23. “*Chào bán cổ phần cho cổ đông hiện hữu*” là việc Tổng công ty tăng thêm số lượng cổ phần được quyền chào bán và bán toàn bộ số cổ phần đó cho tất cả cổ đông đang sở hữu cổ phần của Tổng công ty theo tỷ lệ cổ phần hiện có của họ tại Tổng công ty.

Trong Điều lệ này, các tham chiếu tới một hoặc một số quy định hoặc văn bản khác sẽ bao gồm cả những sửa đổi hoặc văn bản thay thế chúng. Các tiêu đề (Chương, Mục, Điều của Điều lệ này) được sử dụng nhằm thuận tiện cho việc hiểu nội dung và không ảnh hưởng tới nội dung của Điều lệ này.

Điều 2. Tên, loại hình doanh nghiệp, trụ sở, chi nhánh, văn phòng đại diện và thời hạn hoạt động của Tổng công ty

1. Tên doanh nghiệp

- Tên tiếng Việt: TỔNG CÔNG TY MÁY ĐỘNG LỰC VÀ MÁY NÔNG NGHIỆP VIỆT NAM – CTCP;

- Tên tiếng Anh: VIET NAM ENGINE AND AGRICULTURAL MACHINERY CORPORATION;

- Tên viết tắt: VEAM và/hoặc VEAM CORP.

2. Biểu tượng



Logo là hình Elip, nền màu xanh, ở giữa có chữ VEAM màu đỏ, in hoa.

và/hoặc



Logo gồm 2 phần: Phần 1 là hình Elip có nền trắng, viền đỏ, ở giữa có chữ VEAM màu đỏ, in hoa. Phần 2 là chữ VEAM CORP màu đỏ, in hoa, nằm chính giữa, phía dưới của hình Elip.

3. Trụ sở đăng ký của Tổng công ty:

- Địa chỉ: Lô D, Khu D1, phường Phú Thượng, quận Tây Hồ, Hà Nội;
- Điện thoại: (84) 04. 62800802;
- Fax: (84) 04. 62800809;
- E-mail: office@veamcorp.com;
- Website : www.veamcorp.com

4. Tổng công ty có thể thành lập chi nhánh, văn phòng đại diện tại địa bàn kinh doanh để thực hiện các mục tiêu hoạt động của Tổng công ty phù hợp với quyết định của Hội đồng quản trị và trong phạm vi luật pháp cho phép.

5. Thời hạn hoạt động:

Trừ trường hợp giải thể, chấm dứt hoạt động theo Điều 75 Điều lệ này, thời hạn hoạt động của VEAM sẽ bắt đầu từ ngày thành lập và kéo dài vô thời hạn.

Điều 3. Hình thức pháp lý, chức năng và tư cách pháp nhân của VEAM

1. VEAM được tổ chức dưới hình thức công ty cổ phần hoạt động theo mô hình công ty mẹ - công ty con, hoạt động kinh doanh theo quy định của Điều lệ và pháp luật. VEAM có tư cách pháp nhân phù hợp với pháp luật hiện hành của Việt Nam. Mỗi cổ đông chịu trách nhiệm về các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác của VEAM trong phạm vi số vốn mà cổ đông đó đã góp vào VEAM.

2. VEAM có chức năng sản xuất, kinh doanh và đầu tư tài chính vào các công ty con, công ty liên kết; quản lý, chỉ đạo, chi phối các công ty con, công ty liên kết theo tỷ lệ nắm giữ vốn điều lệ tại các công ty đó theo quy định của pháp luật, Điều lệ này và Điều lệ các công ty liên quan.

3. Tư cách pháp nhân của VEAM:

a) VEAM có tên, con dấu riêng và được mở tài khoản tiền Đồng Việt Nam và ngoại tệ tại Kho bạc Nhà nước, các ngân hàng trong nước và nước ngoài theo quy định của pháp luật có liên quan và Điều lệ này;

b) VEAM có vốn tài sản riêng, chịu trách nhiệm đối với các khoản nợ và nghĩa vụ tài chính khác bằng toàn bộ tài sản của mình; chịu trách nhiệm dân sự và thực hiện quyền, nghĩa vụ của chủ sở hữu, thành viên góp vốn, cổ đông đối với các công ty con, công ty liên kết trong phạm vi số vốn do VEAM đầu tư;

c) VEAM có quyền sở hữu, sử dụng, định đoạt đối với tên gọi, thương hiệu sản phẩm, biểu tượng riêng của VEAM theo quy định của pháp luật.

4. Tổng công ty bao gồm: Công ty mẹ, các công ty con, công ty liên kết, đơn vị trực thuộc và viện nghiên cứu.

Điều 4. Con dấu

1. Hội đồng quản trị quyết định thông qua con dấu của VEAM và con dấu được khắc theo quy định của pháp luật.

2. Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và Ban kiểm soát sử dụng con dấu của VEAM theo quy định của pháp luật.

3. Quy định nội bộ về sử dụng con dấu được quy định cụ thể, trong đó xác định các chức danh quản lý, chức danh điều hành và các trường hợp được sử dụng con dấu của VEAM và chi nhánh.

4. Việc quản lý, lưu trữ và sử dụng con dấu do Hội đồng quản trị VEAM quyết định.

Điều 5. Người đại diện theo pháp luật của VEAM

1. Người đại diện theo pháp luật của VEAM là cá nhân đại diện cho VEAM thực hiện các quyền và nghĩa vụ phát sinh từ giao dịch của VEAM, đại diện cho VEAM với tư cách nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trước trọng tài, tòa án và các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật.

2. Tổng giám đốc là người đại diện theo pháp luật của VEAM.

Điều 6. Mục tiêu, lĩnh vực và phạm vi sản xuất, kinh doanh của VEAM

1. Mục tiêu sản xuất, kinh doanh của VEAM:

a) Gia tăng giá trị cho vốn góp của cổ đông, mang lại lợi ích cho người lao động, cộng đồng; nâng cao giá trị cuộc sống; góp phần phục vụ sự nghiệp phát triển kinh tế - xã hội của đất nước;

b) Xây dựng VEAM trở thành một Tổng công ty có kinh tế mạnh của Việt Nam, lấy sản xuất, kinh doanh máy động lực, máy nông nghiệp, ô tô, xe máy, công nghiệp hỗ trợ làm trục chính; Giữ vững và duy trì vị thế là doanh nghiệp lớn trên thị trường Việt Nam trong lĩnh vực sản xuất, kinh doanh máy động lực, máy nông nghiệp;

c) Nâng cao hiệu quả sản xuất, kinh doanh; tăng trưởng doanh thu, giảm chi phí và có lợi nhuận ngày càng cao trên cơ sở đổi mới tổ chức, phương thức kinh doanh, cơ chế quản lý và điều hành, nâng cao năng lực kỹ thuật, công nghệ, nguồn nhân lực, tổ chức hợp lý và quản lý tốt quá trình hoạt động sản xuất, kinh doanh, phát triển bền vững, gắn kết chặt chẽ giữa sản xuất, kinh doanh với khoa học công nghệ, nâng cao khả năng cạnh tranh, tối đa hóa giá trị lợi ích cho các cổ đông, tạo công ăn việc làm, thu nhập ổn định cho người lao động.

2. Lĩnh vực sản xuất, kinh doanh của VEAM:

a) Lĩnh vực sản xuất, kinh doanh chính của VEAM là: sản xuất, kinh doanh các loại động cơ, máy động lực, máy nông, lâm, ngư nghiệp, ô tô, xe máy, sắt thép, các loại máy móc thiết bị, vật tư nguyên liệu ngành cơ khí; gia công, lắp ráp, chế tạo cơ khí; đầu tư vốn vào các doanh nghiệp khác để kinh doanh các ngành nghề mà VEAM đang sản xuất, kinh doanh;

b) VEAM thực hiện kinh doanh các ngành nghề kinh doanh khác mà pháp luật không cấm.

3. Phạm vi kinh doanh và hoạt động:

a) VEAM tiến hành các hoạt động sản xuất, kinh doanh theo quy định của Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp và Điều lệ này phù hợp với quy định của pháp luật;

b) VEAM có thể tiến hành hoạt động sản xuất, kinh doanh trong các lĩnh vực khác mà pháp luật không cấm và được Đại hội đồng cổ đông phê chuẩn.

Điều 7. Tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội trong VEAM

1. Tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội trong VEAM hoạt động theo quy định của Hiến pháp, pháp luật và Điều lệ hoạt động của các tổ chức.

2. VEAM có nghĩa vụ tôn trọng và không được cản trở, gây khó khăn cho việc thành lập tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội tại VEAM; không được cản trở, gây khó khăn cho người lao động tham gia hoạt động trong các tổ chức này.

CHƯƠNG II VỐN ĐIỀU LỆ, CỔ PHẦN, CỔ PHIẾU, CỔ ĐÔNG

Mục 1. Vốn điều lệ

Điều 8. Vốn điều lệ

1. Vốn điều lệ của VEAM là mười ba nghìn, hai trăm tám mươi tám tỷ đồng Việt Nam (13.288.000.000.000 đồng).

2. VEAM có thể tăng, giảm vốn điều lệ khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua và phù hợp với quy định của pháp luật.

Mục 2. Cổ phần

Điều 9. Cổ phần

1. Tổng số cổ phần của VEAM là một tỷ, ba trăm hai mươi tám triệu, tám trăm ngàn (1.328.800.000) cổ phần, với mệnh giá là mười nghìn (10.000) đồng/cổ phần.

2. Các cổ phần của VEAM vào ngày thông qua Điều lệ này chỉ bao gồm cổ phần phổ thông. Các quyền và nghĩa vụ của cổ đông phổ thông được quy định tại Điều 15, Điều 16 của Điều lệ này.

3. VEAM có thể phát hành các loại cổ phần ưu đãi khác nhau sau khi có sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông và phù hợp với các quy định của pháp luật.

4. Cổ phần phổ thông phải được ưu tiên chào bán cho các cổ đông hiện hữu theo tỷ lệ tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần phổ thông của họ trong VEAM, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông quyết định khác. Số cổ phần cổ đông không đăng ký mua hết sẽ do Hội đồng quản trị của VEAM quyết định. Hội đồng quản trị có thể phân phối số cổ phần đó cho các đối tượng theo các điều kiện và cách thức mà Hội đồng quản trị thấy là phù hợp, nhưng không được bán số cổ phần đó theo các điều kiện thuận lợi hơn so với những điều kiện đã chào bán cho các cổ đông hiện hữu, trừ trường hợp cổ phần được bán qua Sở Giao dịch chứng khoán theo phương thức đấu giá.

5. Mỗi cổ phần của cùng một loại đều tạo cho người sở hữu nó các quyền, nghĩa vụ và lợi ích ngang nhau.

6. VEAM có thể phát hành các loại chứng khoán khác khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua phù hợp với quy định của pháp luật.

Điều 10. Chuyển nhượng, chào bán, mua lại cổ phần

1. Chuyển nhượng cổ phần

a) Tất cả các cổ phần được tự do chuyển nhượng, trừ khi Điều lệ này và pháp luật có quy định khác. Cổ phiếu niêm yết trên Sở giao dịch chứng khoán được chuyển nhượng theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

b) Cổ phần chưa được thanh toán đầy đủ không được chuyển nhượng và hưởng các quyền lợi liên quan như quyền nhận cổ tức, quyền nhận cổ phiếu phát hành để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu, quyền mua cổ phiếu mới chào bán.

c) Việc chuyển nhượng cổ phần được thực hiện bằng hợp đồng theo cách thông thường hoặc thông qua giao dịch trên thị trường chứng khoán. Trường hợp chuyển nhượng bằng hợp đồng thì giấy tờ chuyển nhượng phải được bên chuyển nhượng và bên nhận chuyển nhượng hoặc đại diện ủy quyền của họ ký. Trường hợp chuyển nhượng thông qua giao dịch trên thị trường chứng khoán,

trình tự, thủ tục và việc ghi nhận sở hữu thực hiện theo quy định của pháp luật về chứng khoán.

d) Cổ đông có quyền tặng cho một phần hoặc toàn bộ cổ phần của mình tại VEAM cho người khác; sử dụng cổ phần để trả nợ. Trường hợp này, người được tặng cho hoặc nhận trả nợ bằng cổ phần sẽ là cổ đông của VEAM. Khi cổ đông chuyển nhượng một số cổ phần thì cổ phiếu cũ bị hủy bỏ và Tổng công ty phát hành cổ phiếu mới ghi nhận số cổ phần đã chuyển nhượng và số cổ phần còn lại.

Trường hợp cổ đông là cá nhân chết thì số cổ phần của người đó được giải quyết theo quy định của Luật Dân sự.

đ) Người nhận cổ phần trong các trường hợp quy định tại Điều này chỉ trở thành cổ đông VEAM từ thời điểm các thông tin của họ theo quy định của pháp luật được ghi đầy đủ vào sổ đăng ký cổ đông.

2. Chào bán cổ phần

a) Chào bán cổ phần là việc VEAM tăng thêm số lượng cổ phần được quyền chào bán và bán các cổ phần đó trong quá trình hoạt động để tăng vốn điều lệ.

b) Chào bán cổ phần có thể thực hiện theo một trong các hình thức sau:

- Chào bán cho các cổ đông hiện hữu;
- Chào bán ra công chúng;
- Chào bán cổ phần riêng lẻ.

Điều kiện, trình tự thực hiện chào bán cổ phần theo các hình thức được thực hiện theo quy định của pháp luật.

c) Bán cổ phần theo Phương án cổ phần hóa

Sau khi chính thức hoạt động theo hình thức công ty cổ phần, VEAM sẽ tiếp tục thực hiện bán tiếp phần vốn Nhà nước tại Tổng công ty cổ phần theo phương án cổ phần hóa đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 562/QĐ-TTg ngày 05 tháng 4 năm 2016.

3. Mua lại cổ phần

a) Mua lại cổ phần theo yêu cầu của cổ đông

Cổ đông có quyền yêu cầu VEAM mua lại cổ phần của mình trong trường hợp phản đối nghị quyết về việc tổ chức lại công ty hoặc thay đổi quyền, nghĩa vụ của cổ đông quy định tại Điều lệ này. Yêu cầu phải bằng văn bản, trong đó nêu rõ tên, địa chỉ của cổ đông, số lượng cổ phần từng loại, giá dự định bán, lý do yêu cầu Tổng công ty mua lại. Yêu cầu phải được gửi đến VEAM trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết về các vấn đề quy định tại khoản này.

VEAM mua lại cổ phần theo yêu cầu của cổ đông quy định tại khoản này với giá thị trường hoặc giá được tính theo quy định của VEAM trong thời hạn

90 ngày, kể từ ngày nhận được yêu cầu. Trường hợp không thỏa thuận được về giá thì các bên có thể yêu cầu ba (03) tổ chức thẩm định giá để cổ đông lựa chọn và lựa chọn đó là quyết định cuối cùng.

b) Mua lại cổ phần theo quyết định của VEAM

VEAM có quyền mua lại không quá 30% tổng số cổ phần phổ thông đã bán, một phần hoặc toàn bộ cổ phần ưu đãi cổ tức đã bán theo quy định sau đây:

- Hội đồng quản trị có quyền quyết định mua lại không quá 10% tổng số cổ phần của từng loại đã được chào bán trong 12 tháng. Trường hợp khác, việc mua lại cổ phần do Đại hội đồng cổ đông quyết định;

- Hội đồng quản trị quyết định giá mua lại cổ phần. Đối với cổ phần phổ thông, giá mua lại không được cao hơn giá thị trường tại thời điểm mua lại trừ trường hợp VEAM mua lại cổ phần của từng cổ đông tương ứng với tỷ lệ cổ phần của họ trong Tổng công ty. Đối với cổ phần loại khác, nếu VEAM và cổ đông có liên quan không có thỏa thuận khác thì giá mua lại không được thấp hơn giá thị trường;

- VEAM có thể mua lại cổ phần của từng cổ đông tương ứng với tỷ lệ cổ phần của họ trong Tổng công ty. Trường hợp này, quyết định mua lại cổ phần của VEAM được thông báo bằng phương thức bảo đảm đến tất cả các cổ đông trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày quyết định được thông qua. Thông báo có tên, địa chỉ trụ sở chính của VEAM, tổng số cổ phần và loại cổ phần được mua lại, giá mua lại hoặc nguyên tắc định giá mua lại, thủ tục và thời hạn thanh toán, thủ tục và thời hạn để cổ đông chào bán cổ phần của mình cho VEAM.

Cổ đông đồng ý bán lại cổ phần phải gửi chào bán cổ phần của mình bằng phương thức bảo đảm đến được VEAM trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày thông báo. Chào bán phải có họ, tên, địa chỉ thường trú, số Thẻ căn cước công dân, Giấy chứng minh thư nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của cổ đông là cá nhân; Tên, mã số doanh nghiệp hoặc số quyết định thành lập, địa chỉ trụ sở chính của cổ đông là tổ chức; số cổ phần sở hữu và số cổ phần chào bán; phương thức thanh toán; chữ ký của cổ đông hoặc người đại diện theo pháp luật của cổ đông. VEAM chỉ mua lại cổ phần được chào bán trong thời hạn nói trên.

Điều 11. Thu hồi cổ phần

1. Trường hợp cổ đông không thanh toán đầy đủ và đúng hạn số tiền phải trả mua cổ phiếu, Hội đồng quản trị thông báo và có quyền yêu cầu cổ đông đó thanh toán số tiền còn lại cùng với lãi suất trên khoản tiền đó và những chi phí phát sinh do việc không thanh toán đầy đủ gây ra cho VEAM.

2. Thông báo thanh toán nêu trên phải ghi rõ thời hạn thanh toán mới (tối thiểu là 07 (bảy) ngày, kể từ ngày gửi thông báo), địa điểm thanh toán và thông báo phải ghi rõ trường hợp không thanh toán theo đúng yêu cầu, số cổ phần chưa thanh toán hết sẽ bị thu hồi.

3. Hội đồng quản trị có quyền thu hồi các cổ phần chưa thanh toán đầy đủ và đúng hạn trong trường hợp các yêu cầu trong thông báo nêu trên không được thực hiện.

4. Cổ phần bị thu hồi được coi là các cổ phần được quyền chào bán. Hội đồng quản trị có thể trực tiếp hoặc ủy quyền bán, tái phân phối hoặc giải quyết cho người đã sở hữu cổ phần bị thu hồi hoặc các đối tượng khác theo những điều kiện và cách thức mà Hội đồng quản trị thấy là phù hợp.

5. Cổ đông nắm giữ cổ phần bị thu hồi phải từ bỏ tư cách cổ đông đối với những cổ phần đó, nhưng vẫn phải thanh toán tất cả các khoản tiền có liên quan cộng với tiền lãi theo tỷ lệ do Hội đồng quản trị quyết định, kể từ ngày thu hồi cho đến ngày thực hiện thanh toán. Hội đồng quản trị có toàn quyền quyết định việc cưỡng chế thanh toán toàn bộ giá trị cổ phiếu vào thời điểm thu hồi.

6. Thông báo thu hồi được gửi đến người nắm giữ cổ phần bị thu hồi trước thời điểm thu hồi. Việc thu hồi vẫn có hiệu lực kể cả trong trường hợp có sai sót hoặc bất cẩn trong việc gửi thông báo.

Mục 3. Cổ phiếu

Điều 12. Chứng nhận cổ phiếu

1. Cổ đông của VEAM được cấp chứng nhận cổ phiếu tương ứng với số cổ phần và loại cổ phần sở hữu.

2. Chứng nhận cổ phiếu phải có dấu của VEAM và chữ ký của đại diện theo pháp luật của VEAM theo các quy định tại Luật Doanh nghiệp và các văn bản hướng dẫn. Chứng nhận cổ phiếu phải ghi rõ số lượng và loại cổ phiếu mà cổ đông hiện đang nắm giữ, họ và tên người nắm giữ và các thông tin khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp.

3. Trong thời hạn ba mươi (30) ngày kể từ ngày nộp đầy đủ hồ sơ đề nghị chuyển quyền sở hữu cổ phần theo quy định của VEAM hoặc trong thời hạn hai (02) tháng (hoặc có thể lâu hơn theo điều khoản phát hành quy định) kể từ ngày thanh toán đầy đủ tiền mua cổ phần theo như quy định tại phương án phát hành cổ phiếu của VEAM, người sở hữu số cổ phần sẽ được cấp chứng nhận cổ phiếu. Người sở hữu cổ phần không phải chi trả chi phí in chứng nhận cổ phiếu.

4. Trường hợp chứng nhận cổ phiếu ghi danh bị hỏng hoặc bị tẩy xóa hoặc bị đánh mất, mất cắp hoặc bị tiêu hủy, người sở hữu cổ phiếu ghi danh đó có thể yêu cầu được cấp chứng nhận cổ phiếu mới với điều kiện phải đưa ra bằng chứng về việc sở hữu cổ phần, thanh toán mọi chi phí liên quan cho việc cấp chứng nhận cổ phiếu mới và chịu trách nhiệm về những tranh chấp phát sinh từ việc cấp lại chứng nhận cổ phiếu mới.

Điều 13. Chứng chỉ chứng khoán khác

Chúng chỉ trái phiếu hoặc các chứng chỉ chứng khoán khác của VEAM (trừ các thư chào bán, các chứng chỉ tạm thời và các tài liệu tương tự) sẽ được phát hành có dấu và chữ ký của Người đại diện theo pháp luật của VEAM.

Mục 4. Cổ đông

Điều 14. Cổ đông

1. Cổ đông là người chủ sở hữu VEAM, có các quyền và nghĩa vụ tương ứng theo số cổ phần và loại cổ phần mà họ sở hữu. Cổ đông chỉ chịu trách nhiệm về nợ và các nghĩa vụ tài sản khác của VEAM trong phạm vi số vốn đã góp vào VEAM.

2. Cổ đông được công nhận chính thức khi thanh toán đầy đủ tiền mua cổ phần và được ghi tên vào Sổ đăng ký cổ đông của VEAM.

3. VEAM không có cổ đông sáng lập.

Điều 15. Quyền của cổ đông phổ thông

1. Cổ đông phổ thông có các quyền sau đây:

a) Tham dự và phát biểu trong các Đại hội đồng cổ đông và thực hiện quyền biểu quyết trực tiếp hoặc thông qua đại diện theo ủy quyền hoặc theo hình thức khác do pháp luật, Điều lệ VEAM quy định. Mỗi cổ phần phổ thông có một phiếu biểu quyết.

b) Nhận cổ tức với mức theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông;

c) Ưu tiên mua cổ phần mới chào bán tương ứng với tỷ lệ cổ phần phổ thông của từng cổ đông trong VEAM;

d) Tự do chuyển nhượng cổ phần đã được thanh toán đầy đủ và được ghi trong Sổ đăng ký cổ đông của VEAM cho cổ đông khác hoặc cá nhân, tổ chức khác không phải là cổ đông theo quy định tại Điều lệ này và pháp luật, trừ một số trường hợp bị hạn chế chuyển nhượng theo quy định của pháp luật, Điều lệ và quyết định của Đại hội đồng cổ đông;

đ) Được đối xử công bằng. Mỗi cổ phần của cùng một loại đều tạo cho cổ đông sở hữu các quyền, nghĩa vụ và lợi ích ngang nhau. Trường hợp VEAM có các loại cổ phần ưu đãi, các quyền và nghĩa vụ gắn liền với các loại cổ phần ưu đãi được công bố đầy đủ cho cổ đông và phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua;

e) Được thông báo đầy đủ thông tin định kỳ và thông báo bất thường về hoạt động của VEAM;

g) Xem xét, tra cứu và trích lục các thông tin trong Danh sách cổ đông có quyền biểu quyết và yêu cầu sửa đổi các thông tin không chính xác;

h) Xem xét, tra cứu, trích lục hoặc sao chụp Điều lệ của VEAM, biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và các nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông;

i) Được nhận một phần tài sản còn lại tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần tại VEAM sau khi VEAM đã thanh toán cho chủ nợ và các cổ đông nắm giữ các loại cổ phần ưu đãi của VEAM theo quy định của pháp luật khi VEAM giải thể hoặc phá sản;

k) Yêu cầu VEAM mua lại cổ phần của mình trong các trường hợp quy định của pháp luật và Điều lệ này;

l) Có thể ủy quyền để thành viên Hội đồng quản trị làm đại diện cho mình tại Đại hội đồng cổ đông;

m) Các quyền khác theo quy định của Điều lệ này và pháp luật.

2. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 5% tổng số cổ phần phổ thông trở lên trong thời hạn liên tục ít nhất 06 tháng có thêm các quyền sau đây:

a) Đề cử người vào Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát;

b) Xem xét và trích lục sổ biên bản và các nghị quyết của Hội đồng quản trị, báo cáo tài chính giữa năm và hàng năm theo mẫu của hệ thống kế toán Việt Nam và các báo cáo của Ban kiểm soát;

c) Yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong những trường hợp sau đây:

- Hội đồng quản trị vi phạm nghiêm trọng quyền của cổ đông, nghĩa vụ của người quản lý hoặc ra quyết định vượt quá thẩm quyền được giao;

- Nhiệm kỳ của Hội đồng quản trị đã vượt quá 06 tháng mà Hội đồng quản trị mới chưa được bầu thay thế.

Yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải được lập bằng văn bản và phải có họ, tên, địa chỉ thường trú, số Thẻ căn cước công dân, Giấy chứng minh thư nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số quyết định thành lập, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức; số cổ phần và thời điểm đăng ký cổ phần của từng cổ đông, tổng số cổ phần của cả nhóm cổ đông và tỷ lệ sở hữu trong tổng số cổ phần của VEAM; căn cứ và lý do yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông. Kèm theo yêu cầu triệu tập họp phải có các tài liệu, chứng cứ về các vi phạm của Hội đồng quản trị, mức độ vi phạm hoặc về quyết định vượt quá thẩm quyền. Văn bản yêu cầu phải có đủ chữ ký của các cổ đông liên quan hoặc văn bản yêu cầu được lập thành nhiều bản, trong đó mỗi bản phải có chữ ký của tối thiểu một cổ đông có liên quan.

d) Yêu cầu Ban kiểm soát kiểm tra từng vấn đề cụ thể liên quan đến quản lý, điều hành hoạt động của Tổng công ty khi xét thấy cần thiết. Yêu cầu phải bằng văn bản; phải có họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Thẻ căn cước công dân, Giấy chứng minh thư nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác đối với cổ đông là cá nhân; Tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số quyết định thành lập hoặc số đăng ký doanh nghiệp đối với cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần và thời điểm đăng ký cổ phần của từng cổ đông, tổng số cổ

phần của cả nhóm cổ đông và tỷ lệ sở hữu trong tổng số cổ phần của VEAM; vấn đề cần kiểm tra, mục đích kiểm tra;

đ) Các quyền khác theo quy định của Điều lệ này và pháp luật.

Điều 16. Nghĩa vụ của cổ đông phổ thông

1. Thanh toán đủ và đúng thời hạn số cổ phần cam kết mua.

Không được rút vốn đã góp bằng cổ phần phổ thông ra khỏi VEAM dưới mọi hình thức, trừ trường hợp được VEAM hoặc người khác mua lại cổ phần. Trường hợp có cổ đông rút một phần hoặc toàn bộ vốn cổ phần đã góp trái với quy định tại khoản này thì cổ đông đó và người có lợi ích liên quan trong Tổng công ty phải cùng liên đới chịu trách nhiệm về các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác của VEAM trong phạm vi giá trị cổ phần đã bị rút và các thiệt hại xảy ra.

2. Tuân thủ Điều lệ và quy chế quản lý nội bộ của VEAM.

3. Chấp hành nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị.

4. Tham gia các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và thực hiện quyền biểu quyết trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền hoặc thực hiện bỏ phiếu theo hình thức khác do pháp luật, Điều lệ VEAM quy định.

5. Cung cấp địa chỉ chính xác khi đăng ký mua cổ phần và phải thông báo ngay cho VEAM khi có bất cứ thay đổi nào đối với các thông tin đã đăng ký.

6. Chịu trách nhiệm về các khoản nợ và nghĩa vụ tài chính khác của VEAM trong phạm vi số vốn đã góp.

7. Không sử dụng cổ phần, Chứng nhận cổ phiếu làm tài sản thế chấp, cầm cố tại VEAM.

8. Bảo vệ uy tín, tài sản và giữ bí mật về các hoạt động của VEAM.

9. Chịu trách nhiệm cá nhân khi nhân danh VEAM dưới mọi hình thức để thực hiện một trong các hành vi sau đây:

a) Vi phạm pháp luật;

b) Tiến hành kinh doanh và các giao dịch khác để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác;

c) Thanh toán các khoản nợ chưa đến hạn trước nguy cơ tài chính có thể xảy ra đối với VEAM.

10. Cổ đông nhận ủy thác đầu tư cho tổ chức, cá nhân khác phải cung cấp thông tin về chủ sở hữu thực sự của số cổ phần mà mình nhận ủy thác đầu tư trong VEAM. VEAM có quyền đình chỉ quyền cổ đông của các cổ đông này trong trường hợp phát hiện họ không cung cấp thông tin xác thực về chủ sở hữu thực sự của các cổ phần.

11. Thực hiện các nghĩa vụ khác theo quy định của Điều lệ này và pháp luật có liên quan.

Điều 17. Trách nhiệm của cổ đông lớn

1. Cổ đông lớn không được lợi dụng ưu thế của mình gây tổn hại đến các quyền, lợi ích của VEAM và các cổ đông khác.

2. Cổ đông lớn có nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định của pháp luật.

3. Tổ chức, cá nhân là cổ đông lớn của VEAM phải gửi báo cáo về sở hữu của cổ đông lớn bằng văn bản đến VEAM, Ủy ban chứng khoán Nhà nước và Sở giao dịch chứng khoán nơi cổ phiếu của VEAM được niêm yết trong thời hạn 07 ngày, kể từ ngày trở thành cổ đông lớn. Báo cáo về sở hữu của cổ đông lớn bao gồm các nội dung sau đây:

a) Tên, địa chỉ, ngành, nghề kinh doanh đối với cổ đông lớn là tổ chức; Họ, tên, tuổi, quốc tịch, nơi cư trú, nghề nghiệp đối với cổ đông lớn là cá nhân;

b) Số lượng và tỷ lệ phần trăm cổ phiếu do cổ đông sở hữu hoặc cùng với tổ chức, cá nhân khác sở hữu trên tổng số cổ phiếu đang lưu hành.

4. Khi có sự thay đổi quan trọng về thông tin nêu trong báo cáo quy định tại khoản 3 Điều này hoặc có thay đổi về số lượng cổ phiếu sở hữu vượt quá 1% số lượng cổ phiếu cùng loại đang lưu hành, thì trong thời hạn 07 ngày kể từ ngày có sự thay đổi trên, cổ đông lớn phải nộp báo cáo sửa đổi, bổ sung cho VEAM, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và Sở giao dịch chứng khoán nơi cổ phiếu VEAM được niêm yết.

Điều 18. Sổ đăng ký cổ đông

1. VEAM lập và lưu giữ sổ đăng ký cổ đông từ khi được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, sổ đăng ký cổ đông có thể là văn bản, tập dữ liệu điện tử hoặc cả hai loại này.

2. Sổ đăng ký cổ đông có nội dung chủ yếu sau đây:

a) Tên, địa chỉ trụ sở chính của Tổng công ty;

b) Tổng số cổ phần được quyền chào bán, loại cổ phần được quyền chào bán và số cổ phần được quyền chào bán của từng loại;

c) Tổng số cổ phần đã bán của từng loại và giá trị vốn cổ phần đã góp;

d) Họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, Giấy chứng minh thư nhân dân, Thẻ căn cước, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số quyết định thành lập, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức;

đ) Số lượng cổ phần từng loại của mỗi cổ đông, ngày đăng ký cổ phần.

3. Sổ đăng ký cổ đông được lưu giữ tại trụ sở chính của VEAM hoặc Trung tâm lưu ký chứng khoán, cổ đông có quyền kiểm tra, tra cứu hoặc trích lục, sao chép nội dung sổ đăng ký cổ đông trong giờ làm việc của VEAM hoặc Trung tâm lưu ký chứng khoán.

4. Trường hợp cổ đông có thay đổi địa chỉ thường trú thì phải thông báo kịp thời với VEAM để được cập nhập vào sổ đăng ký cổ đông. VEAM không chịu trách nhiệm về việc không liên lạc được với cổ đông do không được thông báo thay đổi địa chỉ của cổ đông.

CHƯƠNG III TỔ CHỨC QUẢN LÝ, ĐIỀU HÀNH, KIỂM SOÁT

Mục 1. Cơ cấu tổ chức quản lý

Điều 19. Cơ cấu tổ chức quản lý

Cơ cấu tổ chức quản lý của VEAM gồm:

1. Đại hội đồng cổ đông;
2. Hội đồng quản trị;
3. Ban kiểm soát;
4. Tổng giám đốc.

Mục 2. Đại hội đồng cổ đông

Điều 20. Đại hội đồng cổ đông

1. Đại hội đồng cổ đông gồm tất cả cổ đông có quyền biểu quyết, là cơ quan quyết định cao nhất của VEAM.

2. Đại hội đồng cổ đông có các quyền và nghĩa vụ sau đây:

- a) Thông qua định hướng phát triển của VEAM;
- b) Quyết định loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại được quyền chào bán, việc chuyển đổi trái phiếu thành cổ phiếu; quyết định mức cổ tức hằng năm của từng loại cổ phần;
- c) Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên;
- d) Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị bằng hoặc lớn hơn 25% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Tổng công ty;
- đ) Quyết định sửa đổi, bổ sung Điều lệ VEAM;
- e) Thông qua báo cáo tài chính hằng năm;
- g) Quyết định mua lại trên 10% tổng số cổ phần đã bán của mỗi loại;
- h) Xem xét và xử lý các vi phạm của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát gây thiệt hại cho VEAM và cổ đông VEAM;
- i) Quyết định tổ chức lại, giải thể VEAM;
- k) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ này.

Điều 21. Thẩm quyền triệu tập Đại hội đồng cổ đông

1. Đại hội đồng cổ đông họp thường niên mỗi năm một lần. Ngoài cuộc họp thường niên, Đại hội đồng cổ đông có thể họp bất thường. Địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông phải ở trên lãnh thổ Việt Nam. Trường hợp cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được tổ chức đồng thời ở nhiều địa điểm khác nhau thì địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông được xác định là nơi chủ tọa tham dự họp.

2. Đại hội đồng cổ đông phải họp thường niên trong thời hạn 04 tháng, kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Theo đề nghị của Hội đồng quản trị, Cơ quan đăng ký kinh doanh có thể gia hạn, nhưng không quá 06 tháng, kể từ ngày kết thúc năm tài chính.

Đại hội đồng cổ đông thường niên thảo luận và thông qua các vấn đề sau đây:

- a) Kế hoạch kinh doanh hằng năm của VEAM;
- b) Báo cáo tài chính hằng năm;
- c) Báo cáo của Hội đồng quản trị về quản trị và kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị và từng thành viên Hội đồng quản trị;
- d) Báo cáo của Ban kiểm soát về kết quả kinh doanh của VEAM, về kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc;
- đ) Báo cáo tự đánh giá kết quả hoạt động của Ban kiểm soát;
- e) Mức cổ tức đối với mỗi cổ phần của từng loại;
- g) Lựa chọn công ty kiểm toán;
- h) Các vấn đề khác thuộc thẩm quyền.

3. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp bất thường Đại hội đồng cổ đông trong các trường hợp sau đây:

- a) Hội đồng quản trị xét thấy cần thiết vì lợi ích của VEAM;
- b) Số thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát còn lại ít hơn 2/3 số thành viên quy định tại Điều lệ này;
- c) Theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2, Điều 15 Điều lệ này;
- d) Theo yêu cầu của Ban kiểm soát;
- đ) Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

4. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày số thành viên Hội đồng quản trị còn lại theo quy định tại điểm b) hoặc nhận được yêu cầu quy định tại điểm c) và điểm d) khoản 3 Điều này.

Trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định thì Chủ tịch Hội đồng quản trị và các thành viên Hội đồng quản trị phải chịu trách nhiệm trước pháp luật và phải bồi thường thiệt hại phát sinh cho VEAM.

5. Trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 4 Điều này thì trong thời hạn 30 ngày tiếp theo, Ban kiểm soát thay thế Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định của Điều lệ này.

Trường hợp Ban kiểm soát không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định thì Ban kiểm soát phải chịu trách nhiệm trước pháp luật và bồi thường thiệt hại phát sinh cho VEAM.

6. Trường hợp Ban kiểm soát không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 15 của Điều lệ này có quyền đại diện VEAM triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định của Luật Doanh nghiệp.

Tất cả chi phí triệu tập và tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại các khoản 4, 5 và 6 của Điều này sẽ được VEAM hoàn lại. Chi phí này không bao gồm những chi phí do cổ đông chi tiêu khi tham dự Đại hội cổ đông, kể cả chi phí ăn ở và đi lại.

Điều 22. Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông

1. Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông được lập dựa trên sổ đăng ký cổ đông của VEAM. Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông được lập không sớm hơn 05 ngày làm việc trước ngày gửi giấy mời họp.

2. Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông phải có họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Thẻ căn cước công dân, Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của cổ đông là cá nhân; Tên, mã số doanh nghiệp hoặc số quyết định thành lập, địa chỉ trụ sở chính của cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần từng loại, số và ngày đăng ký cổ đông của từng cổ đông.

3. Cổ đông có quyền kiểm tra, tra cứu, trích lục và sao danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông; yêu cầu sửa đổi những thông tin sai lệch hoặc bổ sung những thông tin cần thiết về mình trong danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông. Người quản lý công ty phải cung cấp kịp thời thông tin sổ đăng ký cổ đông, sửa đổi, bổ sung thông tin sai lệch theo yêu cầu của cổ đông; đồng thời chịu trách nhiệm bồi thường thiệt hại phát sinh do không cung cấp hoặc cung cấp không kịp thời, không chính xác thông tin sổ đăng ký cổ đông theo yêu cầu.

Điều 23. Chương trình và nội dung họp Đại hội đồng cổ đông

1. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải chuẩn bị chương trình, nội dung cuộc họp.

2. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 15 của Điều lệ này có quyền kiến nghị vấn đề đưa vào chương trình họp Đại hội đồng cổ đông. Kiến nghị phải bằng văn bản và được gửi đến VEAM chậm nhất 03 ngày làm việc trước ngày khai mạc. Kiến nghị phải ghi rõ tên cổ đông, số lượng từng loại

cổ phần của cổ đông hoặc thông tin tương đương, vấn đề kiến nghị đưa vào chương trình họp.

3. Người triệu tập Đại hội đồng cổ đông có quyền từ chối kiến nghị quy định tại khoản 2 Điều này nếu thuộc một trong các trường hợp sau đây:

a) Kiến nghị được gửi đến không đúng thời hạn hoặc không đủ, không đúng nội dung;

b) Vấn đề kiến nghị không thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông;

c) Vào thời điểm đề xuất, cổ đông hoặc nhóm cổ đông không có đủ ít nhất 10% cổ phần phổ thông trong thời gian liên tục ít nhất sáu (06) tháng theo quy định tại khoản 2 Điều 15 Điều lệ này.

4. Người triệu tập Đại hội đồng cổ đông phải chấp nhận và đưa kiến nghị quy định tại khoản 2 Điều này vào dự kiến chương trình và nội dung cuộc họp, trừ trường hợp quy định tại khoản 3 Điều này. Kiến nghị được chính thức bổ sung vào chương trình và nội dung cuộc họp nếu được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận.

Điều 24. Mời họp Đại hội đồng cổ đông

1. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải gửi thông báo mời họp đến tất cả các cổ đông trong Danh sách cổ đông có quyền dự họp chậm nhất 10 (mười) ngày trước ngày khai mạc (tính từ ngày mà thông báo được gửi hoặc chuyển đi một cách hợp lệ, được trả cước phí hoặc được bỏ vào hòm thư). Thông báo mời họp phải có tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp; Tên, địa chỉ thường trú của cổ đông, thời gian, địa điểm họp và những yêu cầu khác đối với người dự họp.

2. Thông báo được gửi bằng phương thức bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của cổ đông; đồng thời đăng trên trang thông tin điện tử của VEAM.

3. Thông báo mời họp phải được gửi kèm theo các tài liệu sau đây:

a) Chương trình họp, các tài liệu sử dụng trong cuộc họp và dự thảo nghị quyết đối với từng vấn đề trong chương trình họp;

b) Phiếu biểu quyết;

c) Mẫu chỉ định đại diện theo ủy quyền dự họp.

4. Việc gửi tài liệu họp theo thông báo mời họp quy định tại khoản 3 Điều này có thể đăng tải lên trang thông tin điện tử của VEAM. Trường hợp này, thông báo mời họp sẽ ghi rõ nơi, cách thức tải tài liệu và VEAM sẽ gửi tài liệu họp cho cổ đông nếu cổ đông yêu cầu.

Điều 25. Thực hiện quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông

1. Cổ đông có quyền tham dự Đại hội đồng cổ đông theo luật pháp có thể trực tiếp tham dự họp hoặc ủy quyền bằng văn bản cho người khác dự họp hoặc thông qua một trong các hình thức quy định tại khoản 2 Điều này.

Cổ đông là tổ chức có sở hữu ít nhất 10% tổng số cổ phần phổ thông có quyền ủy quyền tối đa 3 người tham dự họp Đại hội đồng cổ đông.

2. Cổ đông được coi là tham dự và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông trong trường hợp sau đây:

- a) Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp;
- b) Ủy quyền cho một người khác tham dự và biểu quyết tại cuộc họp;
- c) Tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tiếp, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác;
- d) Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua gửi thư, fax, thư điện tử.

3. Người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức phải là cá nhân được ủy quyền bằng văn bản nhân danh cổ đông đó thực hiện các quyền và nghĩa vụ theo quy định của Điều lệ này và Luật Doanh nghiệp.

4. Trong trường hợp cử nhiều người đại diện theo ủy quyền thì cổ đông phải xác định cụ thể số cổ phần cho mỗi người đại diện. Trường hợp cổ đông tổ chức không xác định số cổ phần tương ứng cho mỗi người đại diện theo ủy quyền, số cổ phần sẽ được chia đều cho số lượng người đại diện theo ủy quyền.

5. Việc chỉ định người đại diện theo ủy quyền của cổ đông phải được thông báo bằng văn bản gửi đến VEAM trước ít nhất 03 (ba) ngày dự kiến họp Đại hội đồng cổ đông. Việc chỉ định, chấm dứt hoặc thay đổi người đại diện theo ủy quyền của cổ đông chỉ có giá trị pháp lý với VEAM kể từ ngày VEAM nhận được thông báo hợp lệ.

6. Văn bản ủy quyền của cổ đông phải có các nội dung chủ yếu sau đây:

- Họ, tên cổ đông, địa chỉ thường trú, số Thẻ căn cước, Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu của cổ đông nếu cổ đông là cá nhân; Tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính của cổ đông nếu cổ đông là tổ chức; Số cổ phần ủy quyền và nhận ủy quyền;

- Số lượng người đại diện theo ủy quyền và tỷ lệ cổ phần tương ứng mỗi người đại diện theo ủy quyền;

- Họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Thẻ căn cước công dân, Giấy chứng minh thư nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của từng người đại diện theo ủy quyền;

- Thời hạn ủy quyền tương ứng của từng người đại diện theo ủy quyền, trong đó ghi rõ ngày bắt đầu được ủy quyền;

- Chữ ký của cổ đông là cá nhân và người được ủy quyền dự họp; chữ ký của người đại diện theo ủy quyền, người đại diện theo pháp luật của cổ đông là tổ chức và người được ủy quyền dự họp.

7. Người đại diện theo ủy quyền phải có các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây:

- Có năng lực hành vi dân sự đầy đủ;

- Không thuộc đối tượng bị cấm thành lập và quản lý doanh nghiệp;
- Thành viên, cổ đông là công ty có phần vốn góp hay cổ phần do Nhà nước nắm giữ trên 50% vốn điều lệ không được cử vợ hoặc chồng, cha đẻ, cha nuôi, mẹ đẻ, mẹ nuôi, con đẻ, con nuôi, anh ruột, chị ruột, em ruột của người quản lý và của người có thẩm quyền bổ nhiệm người quản lý công ty làm người đại diện theo ủy quyền tại VEAM.

8. Mỗi cổ đông bồi hoàn cho VEAM đối với mọi khiếu nại phát sinh tới hành động sai trái, gian lận, cố ý sai phạm do người đại diện theo ủy quyền của mình gây ra trong thời gian người đó đại diện cho cổ đông và đối với mọi khiếu nại phát sinh tới việc bãi nhiệm người đại diện theo ủy quyền khỏi chức vụ của người đó do sự gian lận của người đại diện theo ủy quyền.

9. Mỗi cổ đông phải bảo đảm rằng người đại diện theo ủy quyền của mình có khả năng và mong muốn hành động với tư cách là đại diện theo ủy quyền trước Đại hội đồng cổ đông và bảo đảm người đại diện theo ủy quyền đó không cố tình vắng mặt hoặc không tham dự Đại hội đồng cổ đông mà không có lý do chính đáng nhằm ngăn cản hoạt động của VEAM.

10. Người đại diện theo ủy quyền không được hưởng thù lao của VEAM về việc thực hiện công việc ủy quyền.

11. Trường hợp luật sư thay mặt cho người ủy quyền ký giấy chỉ định đại diện, việc chỉ định đại diện trong trường hợp này chỉ được coi là có hiệu lực nếu giấy chỉ định đại diện đó được xuất trình cùng với giấy ủy quyền cho luật sư hoặc bản sao hợp lệ của giấy ủy quyền đó (nếu trước đó chưa đăng ký với VEAM).

12. Trừ trường hợp quy định tại khoản 11 Điều này, phiếu biểu quyết của người được ủy quyền dự họp trong phạm vi được ủy quyền vẫn có hiệu lực khi có một trong các trường hợp sau đây:

- a) Người ủy quyền đã chết, bị hạn chế năng lực hành vi dân sự hoặc bị mất năng lực hành vi dân sự;
- b) Người ủy quyền đã hủy bỏ việc chỉ định ủy quyền;
- c) Người ủy quyền đã hủy bỏ thẩm quyền của người thực hiện việc ủy quyền.

Điều khoản này không áp dụng trong trường hợp VEAM nhận được thông báo về một trong các sự kiện trên trước giờ khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông hoặc trước khi cuộc họp được triệu tập lại.

Điều 26. Điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông

1. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện ít nhất 51% tổng số phiếu biểu quyết.

2. Trường hợp cuộc họp lần thứ nhất không đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại khoản 1 Điều này thì được triệu tập họp lần thứ hai trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Cuộc họp của Đại hội đồng cổ

đồng triệu tập lần thứ hai được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện ít nhất 33% tổng số phiếu biểu quyết.

3. Trường hợp cuộc họp triệu tập lần hai không đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại khoản 2 Điều này thì được triệu tập họp lần thứ ba trong thời hạn 20 ngày, kể từ ngày dự định họp lần thứ hai. Trường hợp này, cuộc họp của Đại hội đồng cổ đông được tiến hành không phụ thuộc vào số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp.

4. Chỉ có Đại hội đồng cổ đông mới có quyền quyết định thay đổi chương trình họp đã được gửi kèm theo thông báo mời họp quy định tại Điều 24 của Điều lệ này.

Điều 27. Thẻ thức tiến hành họp và biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông

1. Trước khi khai mạc cuộc họp, phải tiến hành đăng ký cổ đông dự Đại hội đồng cổ đông. Khi đăng ký cổ đông, VEAM cấp cho từng cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền có quyền biểu quyết một Thẻ biểu quyết, trên đó ghi số đăng ký, họ và tên cổ đông hoặc họ và tên người đại diện được ủy quyền và số Phiếu biểu quyết của cổ đông đó.

2. Bầu Chủ tọa, Thư ký và Ban kiểm phiếu của Đại hội đồng cổ đông theo quy định sau:

a) Chủ tịch Hội đồng quản trị làm chủ tọa các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông do Hội đồng quản trị triệu tập. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị vắng mặt hoặc tạm thời mất khả năng làm việc thì các thành viên Hội đồng quản trị còn lại bầu một người trong số họ làm chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông theo nguyên tắc đa số. Trường hợp không bầu được người làm chủ tọa thì Trường Ban kiểm soát điều khiển để Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp. Chủ tọa không nhất thiết phải là thành viên Hội đồng quản trị. Trường hợp bầu chủ tọa, tên chủ tọa được đề cử trong số những người dự họp và số phiếu bầu cho chủ tọa phải được công bố, người có số phiếu bầu cao nhất làm chủ tọa cuộc họp;

b) Trong các trường hợp khác, người ký tên triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông điều khiển để Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp và người có số phiếu bầu cao nhất làm chủ tọa cuộc họp;

c) Chủ tọa cử một hoặc một số người làm thư ký cuộc họp;

d) Đại hội đồng cổ đông bầu một hoặc một số người vào Ban kiểm phiếu theo đề nghị của Chủ tọa cuộc họp.

3. Chương trình và nội dung họp phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua trong phiên khai mạc. Chương trình phải xác định chi tiết thời gian đối với từng vấn đề trong nội dung chương trình họp.

4. Chủ tọa của Đại hội có quyền thực hiện các biện pháp cần thiết và hợp lý để điều khiển cuộc họp một cách có trật tự; đúng theo chương trình đã được thông qua và phản ánh được mong muốn của đa số người dự họp.

5. Đại hội đồng cổ đông thảo luận và biểu quyết theo từng vấn đề trong nội dung chương trình. Khi tiến hành biểu quyết tại Đại hội, số thẻ biểu quyết được thu theo thứ tự sau đây: thẻ tán thành, thẻ không tán thành, thẻ không có ý kiến, cuối cùng đếm tổng số của từng loại phiếu biểu quyết tán thành, không tán thành, không có ý kiến. Kết quả kiểm phiếu được chủ tọa công bố ngay trước khi bế mạc cuộc họp.

6. Cổ đông hoặc người được ủy quyền dự họp đến sau khi cuộc họp đã khai mạc vẫn được đăng ký và có quyền tham gia biểu quyết ngay sau khi đăng ký. Chủ tọa không có trách nhiệm dừng đại hội để cho cổ đông đến muộn đăng ký và hiệu lực của các đợt biểu quyết đã tiến hành trước khi cổ đông đến muộn tham dự không bị ảnh hưởng.

7. Người triệu tập Đại hội đồng cổ đông có các quyền sau:

a) Yêu cầu tất cả người dự họp chịu sự kiểm tra hoặc các biện pháp an ninh hợp pháp, hợp lý khác;

b) Yêu cầu cơ quan có thẩm quyền duy trì trật tự cuộc họp; trục xuất những người không tuân thủ quyền điều hành của chủ tọa, cố ý gây rối trật tự, ngăn cản tiến triển bình thường của cuộc họp hoặc không tuân thủ các yêu cầu về kiểm tra an ninh ra khỏi cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

8. Chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông có quyền hoãn cuộc họp Đại hội đồng cổ đông đã có đủ số người đăng ký dự họp theo quy định đến một thời điểm khác hoặc thay đổi địa điểm họp trong các trường hợp sau đây:

a) Địa điểm họp không có đủ chỗ ngồi thuận tiện cho tất cả người dự họp;

b) Các phương tiện thông tin tại địa điểm họp không bảo đảm cho các cổ đông dự họp tham gia, thảo luận và biểu quyết;

c) Có người dự họp cản trở, gây rối trật tự, có nguy cơ làm cho cuộc họp không được tiến hành một cách công bằng và hợp pháp;

d) Có sự nhất trí hoặc yêu cầu của Đại hội đồng cổ đông đã có đủ số lượng đại biểu dự họp cần thiết.

Thời gian hoãn tối đa không quá ba (03) ngày kể từ ngày dự định khai mạc đại hội. Đại hội họp lại vẫn phải đủ số lượng cổ đông có quyền biểu quyết như quy định tại Điều 26 Điều lệ này.

9. Trường hợp chủ tọa hoãn hoặc tạm dừng họp Đại hội đồng cổ đông trái với quy định tại khoản 8 Điều này, Đại hội đồng cổ đông bầu một người khác trong số những người dự họp để thay thế chủ tọa điều hành cuộc họp cho đến lúc kết thúc; tất cả các nghị quyết được thông qua tại cuộc họp đó đều có hiệu lực thi hành.

10. Trong trường hợp tại Đại hội đồng cổ đông có áp dụng các biện pháp nêu trên, Người triệu tập Đại hội khi xác định địa điểm đại hội có thể:

a) Thông báo đại hội được tiến hành tại địa điểm ghi trong thông báo và chủ tọa đại hội có mặt tại đó (“Địa điểm chính của đại hội”);

b) Bộ trí, tổ chức để những cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền không dự họp được theo Điều khoản này hoặc những người muốn tham gia ở địa điểm khác với địa điểm chính của đại hội có thể đồng thời tham dự đại hội;

Thông báo về việc tổ chức đại hội không cần nêu chi tiết những biện pháp tổ chức theo Điều khoản này.

11. Trong Điều lệ này (trừ khi hoàn cảnh yêu cầu khác), mọi cổ đông được coi là tham gia đại hội ở địa điểm chính của đại hội.

12. Đại hội đồng cổ đông không được tổ chức Đại hội dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản.

Điều 28. Hình thức thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông

1. Đại hội đồng cổ đông thông qua các quyết định thuộc thẩm quyền bằng hình thức biểu quyết tại cuộc họp hoặc lấy ý kiến bằng văn bản;

2. Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông về các vấn đề sau đây phải được thông qua bằng hình thức biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông:

a) Sửa đổi, bổ sung Điều lệ VEAM;

b) Định hướng phát triển VEAM;

c) Loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại;

d) Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát;

đ) Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị bằng hoặc lớn hơn 25% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của VEAM;

e) Thông qua báo cáo tài chính hằng năm;

g) Chia, tách, hợp nhất, sáp nhập, mua lại, chuyển đổi hình thức sở hữu, giải thể hoặc yêu cầu phá sản VEAM.

Điều 29. Điều kiện để nghị quyết được thông qua

1. Nghị quyết về nội dung sau đây được thông qua nếu được số cổ đông đại diện ít nhất 65% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp tán thành:

a) Sửa đổi, bổ sung Điều lệ VEAM;

b) Thay đổi ngành, nghề và lĩnh vực kinh doanh;

c) Loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại;

d) Thay đổi cơ cấu tổ chức quản lý của Tổng công ty;

đ) Quyết định việc chia, tách, hợp nhất, sáp nhập, mua lại, chuyển đổi hình thức sở hữu, giải thể, hoặc yêu cầu phá sản VEAM;

e) Quyết định đầu tư hoặc bán tài sản có giá trị bằng hoặc lớn hơn 25% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của VEAM.

2. Các nghị quyết khác được thông qua khi được số cổ đông đại diện cho ít nhất 51% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp tán thành, trừ trường hợp quy định tại khoản 1 và khoản 3 Điều này.

3. Việc biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát phải thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu, theo đó, mỗi cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát và cổ đông có quyền dồn hết hoặc một phần tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên. Người trúng cử thành viên Hội đồng quản trị hoặc Kiểm soát viên được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên quy định tại Điều lệ VEAM. Trường hợp có từ 02 ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho thành viên cuối cùng của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu bầu ngang nhau hoặc lựa chọn theo tiêu chí quy chế bầu cử hoặc Điều lệ công ty.

4. Trường hợp thông qua nghị quyết dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản thì nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông được thông qua nếu được số cổ đông đại diện ít nhất 51% tổng số phiếu biểu quyết tán thành.

5. Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông sẽ được VEAM thông báo đến các cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nghị quyết được thông qua. Việc gửi nghị quyết có thể thay thế bằng việc đăng tải trên trang thông tin điện tử của VEAM.

Điều 30. Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông

1. Hội đồng quản trị có quyền lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông khi xét thấy cần thiết vì lợi ích của VEAM.

2. Hội đồng quản trị chuẩn bị phiếu lấy ý kiến, dự thảo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, các tài liệu giải trình dự thảo nghị quyết và gửi đến tất cả các cổ đông có quyền biểu quyết chậm nhất 15 ngày trước thời hạn phải gửi lại phiếu lấy ý kiến. Việc lập danh sách cổ đông gửi phiếu lấy ý kiến thực hiện theo quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 22 của Điều lệ này. Yêu cầu và cách thức gửi phiếu lấy ý kiến và tài liệu kèm theo thực hiện theo quy định tại Điều 24 của Điều lệ này.

3. Phiếu lấy ý kiến phải có các nội dung chủ yếu sau đây:

a) Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp của VEAM;

b) Mục đích lấy ý kiến;

c) Họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Thẻ căn cước công dân, Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của cổ đông là cá nhân; Tên, mã số doanh nghiệp hoặc số quyết định thành lập, địa chỉ trụ sở chính của cổ đông là tổ chức hoặc Họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Thẻ căn cước công dân, Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần của từng loại và số phiếu biểu quyết của cổ đông;

- d) Vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua;
- đ) Phương án biểu quyết bao gồm tán thành, không tán thành và không có ý kiến;
- e) Thời hạn phải gửi về VEAM phiếu lấy ý kiến đã trả lời;
- g) Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị và người đại diện theo pháp luật của VEAM.

4. Cổ đông có thể gửi phiếu lấy ý kiến đã trả lời đến VEAM theo một trong các hình thức sau đây:

a) Gửi thư. Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời phải có chữ ký của cổ đông là cá nhân, của người đại diện theo ủy quyền hoặc người đại diện theo pháp luật của cổ đông là tổ chức. Phiếu lấy ý kiến gửi về VEAM phải được đựng trong phong bì dán kín và không ai được quyền mở trước khi kiểm phiếu;

b) Gửi fax hoặc thư điện tử. Phiếu lấy ý kiến gửi về VEAM qua fax hoặc thư điện tử phải được giữ bí mật đến thời hạn kiểm phiếu.

Các phiếu lấy ý kiến gửi về VEAM sau thời hạn đã xác định tại nội dung lấy ý kiến hoặc đã bị mở trong trường hợp gửi thư và bị tiết lộ trong trường hợp gửi fax, thư điện tử là không hợp lệ. Phiếu lấy ý kiến không được gửi về được coi là phiếu không tham gia biểu quyết.

5. Hội đồng quản trị tổ chức kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu dưới sự chứng kiến của Ban kiểm soát hoặc của cổ đông không nắm giữ chức vụ quản lý VEAM.

Biên bản kiểm phiếu phải có các nội dung chủ yếu sau đây:

- a) Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp của VEAM;
- b) Mục đích và các vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua nghị quyết;
- c) Số cổ đông với tổng số phiếu biểu quyết đã tham gia biểu quyết, trong đó phân biệt số phiếu hợp lệ và số phiếu biểu quyết không hợp lệ và phương thức gửi biểu quyết, kèm theo phụ lục danh sách cổ đông tham gia biểu quyết;
- d) Tổng số phiếu tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề;
- đ) Các vấn đề đã được thông qua;

e) Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị, người đại diện theo pháp luật của VEAM, người giám sát kiểm phiếu và người kiểm phiếu.

Các thành viên Hội đồng quản trị, người kiểm phiếu và người giám sát kiểm phiếu phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của biên bản kiểm phiếu; liên đới chịu trách nhiệm về các thiệt hại phát sinh từ các quyết định được thông qua do kiểm phiếu không trung thực, không chính xác.

6. Biên bản kiểm phiếu được gửi đến các cổ đông trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày kết thúc kiểm phiếu. Việc gửi biên bản kiểm phiếu có thể thay thế

bằng việc đăng tải lên trang thông tin điện tử của VEAM trong thời hạn 24 giờ kể từ ngày kết thúc kiểm phiếu.

7. Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời, biên bản kiểm phiếu, nghị quyết đã được thông qua và tài liệu có liên quan gửi kèm theo phiếu lấy ý kiến được lưu giữ tại trụ sở chính của VEAM.

8. Nghị quyết được thông qua theo hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản có giá trị như nghị quyết được thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

Điều 31. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông

1. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông phải được ghi biên bản và có thể ghi âm hoặc ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông được lập bằng tiếng Việt, có thể lập thêm bằng tiếng nước ngoài và có các nội dung chủ yếu sau đây:

- a) Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp của VEAM;
- b) Thời gian và địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông;
- c) Chương trình và nội dung cuộc họp;
- d) Họ, tên chủ tọa và thư ký;
- đ) Tóm tắt diễn biến cuộc họp và các ý kiến phát biểu tại Đại hội đồng cổ đông về từng vấn đề trong nội dung chương trình họp;
- e) Số cổ đông và tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp, phụ lục danh sách đăng ký cổ đông, đại diện cổ đông dự họp với số cổ phần và số phiếu bầu tương ứng;
- g) Tổng số phiếu biểu quyết đối với từng vấn đề biểu quyết, trong đó ghi rõ phương thức biểu quyết, tổng số phiếu hợp lệ, không hợp lệ, tán thành, không tán thành và không có ý kiến; tỷ lệ tương ứng trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp;
- h) Các vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ phiếu biểu quyết thông qua tương ứng;
- i) Chữ ký của chủ tọa và thư ký.

Biên bản được lập bằng tiếng Việt và tiếng nước ngoài đều có hiệu lực pháp lý như nhau. Trường hợp có sự khác nhau về nội dung biên bản tiếng Việt và tiếng nước ngoài thì nội dung trong biên bản tiếng Việt có hiệu lực áp dụng.

2. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông phải được làm xong và thông qua trước khi kết thúc cuộc họp.

3. Chủ tọa và thư ký cuộc họp phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của nội dung biên bản.

4. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông được gửi đến tất cả cổ đông trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày kết thúc cuộc họp. Việc gửi biên bản họp Đại hội đồng cổ đông có thể thay thế bằng việc đăng tải lên trang thông tin điện tử của VEAM trong thời hạn 24 (hai tư) giờ kể từ ngày kết thúc cuộc họp.

Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông, phụ lục danh sách cổ đông đăng ký dự họp, nghị quyết đã được thông qua và tài liệu có liên quan gửi kèm theo thông báo mời họp phải được lưu giữ tại trụ sở chính của VEAM.

Điều 32. Yêu cầu hủy bỏ nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông

Trong thời hạn 90 ngày, kể từ ngày nhận được biên bản họp Đại hội đồng cổ đông hoặc biên bản kết quả kiểm phiếu lấy ý kiến Đại hội đồng cổ đông, cổ đông, nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 15 của Điều lệ này có quyền yêu cầu Tòa án hoặc Trọng tài xem xét, hủy bỏ nghị quyết hoặc một phần nội dung nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông trong các trường hợp sau đây:

1. Trình tự và thủ tục triệu tập họp và ra quyết định của Đại hội đồng cổ đông không thực hiện đúng theo quy định của pháp luật và Điều lệ này, trừ trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 33 của Điều lệ này;

2. Nội dung nghị quyết vi phạm pháp luật hoặc Điều lệ VEAM.

Trường hợp quyết định của Đại hội đồng cổ đông bị hủy bỏ theo quyết định của Tòa án hoặc Trọng tài, người triệu tập cuộc họp Đại hội đồng cổ đông bị hủy bỏ có thể xem xét tổ chức lại Đại hội đồng cổ đông theo trình tự và thời hạn pháp luật quy định.

Điều 33. Hiệu lực các nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông

1. Các nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông có hiệu lực kể từ ngày được thông qua hoặc từ thời điểm hiệu lực ghi tại nghị quyết đó.

2. Các nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông được thông qua bằng 100% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết là hợp pháp và có hiệu lực ngay cả khi trình tự và thủ tục thông qua nghị quyết đó không được thực hiện đúng quy định.

3. Trường hợp có cổ đông, nhóm cổ đông yêu cầu Tòa án hoặc Trọng tài hủy bỏ nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Điều 32 của Điều lệ này thì các nghị quyết đó vẫn có hiệu lực thi hành cho đến khi Tòa án, Trọng tài có quyết định khác, trừ trường hợp áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời theo quyết định của cơ quan có thẩm quyền.

Mục 3. Hội đồng quản trị

Điều 34. Hội đồng quản trị

1. Hội đồng quản trị là cơ quan quản lý VEAM, có toàn quyền nhân danh VEAM để quyết định, thực hiện các quyền và nghĩa vụ của VEAM, trừ những thẩm quyền thuộc về Đại hội đồng cổ đông.

2. Hội đồng quản trị có các quyền và nghĩa vụ sau đây:

a) Quyết định chiến lược, kế hoạch phát triển trung hạn; kế hoạch sản xuất, kinh doanh, đầu tư, tài chính hằng năm của VEAM, bao gồm:

- Kế hoạch sử dụng vốn và tài sản;

- Kế hoạch đầu tư, sửa chữa;
- Kế hoạch doanh thu - chi phí;
- Kế hoạch tuyển dụng, sử dụng lao động;
- Kế hoạch tiền lương, tiền thưởng;
- Kế hoạch sử dụng các quỹ.

b) Kiến nghị loại cổ phần và tổng số cổ phần được quyền chào bán của từng loại;

c) Quyết định bán cổ phần mới trong phạm vi số cổ phần được quyền chào bán của từng loại; quyết định huy động thêm vốn theo hình thức khác;

d) Quyết định giá bán cổ phần và trái phiếu của VEAM;

đ) Quyết định mua lại không quá 10% tổng số cổ phần của từng loại đã được chào bán trong 12 tháng;

e) Quyết định phương án đầu tư và dự án đầu tư trong thẩm quyền và giới hạn theo quy định của pháp luật;

g) Quyết định giải pháp phát triển thị trường, tiếp thị và công nghệ;

h) Thông qua hợp đồng mua, bán, vay, cho vay và hợp đồng khác có giá trị bằng hoặc lớn hơn 25% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của VEAM. Quy định này không áp dụng đối với hợp đồng và giao dịch quy định tại Điểm d, Khoản 2, Điều 20, Khoản 1 và Khoản 3 Điều 59 Điều lệ này;

i) Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Chủ tịch Hội đồng quản trị; bổ nhiệm, miễn nhiệm, ký hợp đồng, chấm dứt hợp đồng đối với Tổng giám đốc và người quản lý khác theo phân cấp về công tác tổ chức cán bộ của VEAM; quyết định tiền lương và quyền lợi khác của những người quản lý đó; cử người đại diện theo ủy quyền tham gia Hội đồng quản trị/Hội đồng thành viên hoặc Đại hội đồng cổ đông ở công ty khác, quyết định mức thù lao và quyền lợi khác của những người đó;

k) Giám sát, chỉ đạo Tổng giám đốc và người quản lý khác trong điều hành sản xuất, kinh doanh, đầu tư, tài chính của VEAM;

l) Quyết định cơ cấu tổ chức, các quy chế quản lý nội bộ của VEAM; quyết định thành lập công ty con, lập chi nhánh, văn phòng đại diện và việc góp vốn, mua cổ phần của doanh nghiệp khác;

m) Duyệt chương trình, nội dung tài liệu phục vụ họp Đại hội đồng cổ đông, triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông hoặc lấy ý kiến để Đại hội đồng cổ đông thông qua quyết định;

n) Trình báo cáo quyết toán tài chính hằng năm lên Đại hội đồng cổ đông;

o) Kiến nghị mức cổ tức được trả; quyết định thời hạn và thủ tục trả cổ tức hoặc xử lý lỗ phát sinh trong quá trình kinh doanh;

p) Kiến nghị việc tổ chức lại, giải thể, yêu cầu phá sản VEAM;

q) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Điều lệ này và pháp luật.

3. Những vấn đề sau đây phải được Hội đồng quản trị phê chuẩn:

a) Thành lập chi nhánh hoặc các văn phòng đại diện của Tổng công ty;

b) Quyết định thành lập, sáp nhập, tổ chức lại, giải thể các đơn vị thành viên 100% vốn của Tổng công ty, đơn vị trực thuộc Tổng công ty; kết nạp các thành viên mới; tiếp nhận các công ty liên kết tự nguyện tham gia vào Tổng công ty;

c) Trong phạm vi quy định tại khoản 2 Điều này và trừ trường hợp quy định tại khoản 3 Điều 59 của Điều lệ này phải do Đại hội đồng cổ đông phê chuẩn, Hội đồng quản trị tùy từng thời điểm quyết định việc thực hiện, sửa đổi và huỷ bỏ các hợp đồng lớn của Tổng công ty (bao gồm các hợp đồng mua, bán, sáp nhập, thuê tóm công ty và liên doanh);

d) Chỉ định và bãi nhiệm những người được Tổng công ty uỷ nhiệm là đại diện thương mại và Luật sư của Tổng công ty;

đ) Việc vay nợ và việc thực hiện các khoản thế chấp, bảo đảm, bảo lãnh và bồi thường của Tổng công ty;

e) Việc mua hoặc bán cổ phần, phần vốn góp tại các công ty khác được thành lập ở Việt Nam hay nước ngoài;

g) Việc định giá các tài sản góp vào Tổng công ty không phải bằng tiền liên quan đến việc phát hành cổ phiếu hoặc trái phiếu của Tổng công ty, bao gồm vàng, quyền sử dụng đất, quyền sở hữu trí tuệ, công nghệ và bí quyết công nghệ;

h) Quyết định mua lại hoặc thu hồi không quá 10% tổng số cổ phần của từng loại đã được chào bán trong mỗi mười hai tháng; quyết định mức giá mua lại hoặc thu hồi cổ phần của Tổng công ty. Trong trường hợp khác, việc mua lại cổ phần do Đại hội đồng cổ đông quyết định;

i) Quyết định mức giá mua hoặc thu hồi cổ phần của Tổng công ty;

k) Các vấn đề kinh doanh hoặc giao dịch mà Hội đồng quyết định cần phải có sự chấp thuận trong phạm vi quyền hạn và trách nhiệm của mình.

4. Hội đồng quản trị phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông về hoạt động của mình, cụ thể là về việc giám sát của Hội đồng quản trị đối với Tổng giám đốc và những cán bộ quản lý khác trong năm tài chính. Trường hợp Hội đồng quản trị không trình báo cáo cho Đại hội đồng cổ đông, báo cáo tài chính năm của Tổng công ty bị coi là không có giá trị và chưa được Hội đồng quản trị thông qua.

5. Trừ khi luật pháp và Điều lệ quy định khác, Hội đồng quản trị có thể uỷ quyền cho nhân viên cấp dưới và các cán bộ quản lý đại diện xử lý công việc thay mặt cho Tổng công ty.

6. Khi thực hiện chức năng, quyền và nghĩa vụ của mình, Hội đồng quản trị tuân thủ đúng quy định của pháp luật, Điều lệ này và nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông. Trong trường hợp nghị quyết do Hội đồng quản trị thông qua trái

với quy định của pháp luật hoặc Điều lệ này gây thiệt hại cho VEAM thì các thành viên tán thành thông qua nghị quyết đó phải cùng liên đới chịu trách nhiệm cá nhân về nghị quyết đó và phải đền bù thiệt hại cho VEAM; thành viên phản đối thông qua nghị quyết nói trên được miễn trừ trách nhiệm. Trường hợp này, cổ đông sở hữu cổ phần của VEAM liên tục trong thời hạn ít nhất 01 năm có quyền yêu cầu Hội đồng quản trị đình chỉ thực hiện nghị quyết nói trên.

Điều 35. Số lượng và nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị

1. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị là 05 (năm) thành viên.

2. Nhiệm kỳ của Hội đồng quản trị là 05 (năm) năm. Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị theo nhiệm kỳ của Hội đồng quản trị và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Đối với Thành viên Hội đồng quản trị là người đại diện phần vốn nhà nước không tham gia quá 2 nhiệm kỳ. Thành viên Hội đồng quản trị có thể bị miễn nhiệm, bãi nhiệm hoặc được Đại hội đồng cổ đông bầu bổ sung hoặc thay thế thành viên bị bãi nhiệm, miễn nhiệm trong thời hạn nhiệm kỳ, khi đó nhiệm kỳ của thành viên mới là thời hạn còn lại của nhiệm kỳ Hội đồng quản trị.

Trường hợp tất cả thành viên Hội đồng quản trị cùng kết thúc nhiệm kỳ thì các thành viên đó tiếp tục là thành viên Hội đồng quản trị cho đến khi có thành viên mới được bầu thay thế và tiếp quản công việc.

3. Nguyên tắc đề cử người vào Hội đồng quản trị được thực hiện như sau:

Các cổ đông nắm giữ cổ phần có quyền biểu quyết trong thời hạn liên tục ít nhất 06 (sáu) tháng có quyền gộp số quyền biểu quyết của từng người lại với nhau để đề cử các ứng viên Hội đồng quản trị. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ:

a) Từ 5% đến dưới 20% số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử tối đa 01 (một) ứng cử viên;

b) Từ 20% đến dưới 30% số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử tối đa 02 (hai) ứng cử viên;

c) Từ 30% đến dưới 40% số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử tối đa 03 (ba) ứng cử viên;

d) Từ 40% đến dưới 50% số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử tối đa 04 (bốn) ứng cử viên;

đ) Từ 50% đến dưới 60% số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử tối đa 05 (năm) ứng cử viên;

e) Từ 60% đến dưới 70% số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử tối đa 06 (sáu) ứng cử viên;

g) Từ 70% số cổ phần có quyền biểu quyết trở lên có quyền đề cử tối đa đủ số lượng ứng cử viên.

4. Trường hợp số lượng các ứng cử viên Hội đồng quản trị thông qua đề cử vẫn không đủ số lượng cần thiết, Hội đồng quản trị có thể đề cử thêm ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử theo cơ chế được quy định của pháp luật.

Điều 36. Tiêu chuẩn và điều kiện làm thành viên Hội đồng quản trị

Thành viên Hội đồng quản trị phải có các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây:

1. Có năng lực hành vi dân sự đầy đủ, không thuộc đối tượng không được quản lý doanh nghiệp theo quy định của pháp luật;

2. Có trình độ chuyên môn, có kinh nghiệm trong quản lý doanh nghiệp và không nhất thiết phải là cổ đông của Tổng công ty;

3. Thành viên Hội đồng quản trị Tổng công ty có thể đồng thời là thành viên Hội đồng quản trị của công ty khác.

4. Thành viên Hội đồng quản trị không được là vợ hoặc chồng, cha đẻ, cha nuôi, mẹ đẻ, mẹ nuôi, con đẻ, con nuôi, anh ruột, chị ruột, em ruột, anh rể, em rể, chị dâu, em dâu của Tổng giám đốc và người quản lý khác của Tổng công ty; không được là người có liên quan của người quản lý, người có thẩm quyền bổ nhiệm người quản lý công ty mẹ.

Điều 37. Chủ tịch Hội đồng quản trị

1. Hội đồng quản trị bầu một thành viên của Hội đồng quản trị làm Chủ tịch. Chủ tịch Hội đồng quản trị không kiêm Tổng giám đốc của VEAM.

2. Chủ tịch Hội đồng quản trị có các quyền và nghĩa vụ sau đây:

a) Lập chương trình, kế hoạch hoạt động của Hội đồng quản trị;

b) Chủ trì xây dựng và ban hành quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị;

c) Chuẩn bị chương trình, nội dung, tài liệu phục vụ cuộc họp;

d) Tổ chức việc thông qua nghị quyết của Hội đồng quản trị;

đ) Theo dõi, chỉ đạo việc thực hiện các nghị quyết của Hội đồng quản trị;

e) Chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và các cuộc họp Hội đồng quản trị;

g) Thay mặt Hội đồng quản trị ký các quyết định, nghị quyết của Hội đồng quản trị; ký các văn bản khác để xử lý công việc thuộc nhiệm vụ, quyền hạn của Hội đồng quản trị;

h) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

3. Chủ tịch Hội đồng quản trị có trách nhiệm đảm bảo việc Hội đồng quản trị gửi báo cáo tài chính năm, báo cáo hoạt động của Tổng công ty, báo cáo kiểm toán và báo cáo kiểm tra của Hội đồng quản trị cho các cổ đông tại Đại hội đồng cổ đông.

4. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị vắng mặt hoặc không thể thực hiện được nhiệm vụ của mình thì ủy quyền bằng văn bản cho một thành viên

khác thực hiện các quyền và nghĩa vụ của Chủ tịch Hội đồng quản trị theo quy định. Trường hợp không có người được ủy quyền thì các thành viên còn lại bầu một người trong số họ tạm thời giữ chức Chủ tịch Hội đồng quản trị. Người này sẽ thay mặt Chủ tịch hội đồng quản trị cho đến khi Chủ tịch hội đồng quản trị trở lại làm việc hoặc đến Đại hội đồng cổ đông gần nhất.

5. Chủ tịch Hội đồng quản trị có thể bị bãi miễn theo quyết định của Hội đồng quản trị. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị từ chức hoặc bị bãi nhiệm, nghỉ hưu, Hội đồng quản trị phải bầu người thay thế trong thời hạn 10 (mười) ngày.

Điều 38. Cuộc họp Hội đồng quản trị

1. Chủ tịch Hội đồng quản trị sẽ được bầu trong cuộc họp đầu tiên của nhiệm kỳ Hội đồng quản trị trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày kết thúc bầu cử Hội đồng quản trị nhiệm kỳ đó. Cuộc họp này do thành viên có số phiếu bầu cao nhất hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất triệu tập và chủ trì. Trường hợp có nhiều hơn một thành viên có số phiếu bầu hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất và ngang nhau thì các thành viên bầu theo nguyên tắc đa số để chọn 01 người trong số họ triệu tập họp Hội đồng quản trị;

2. Hội đồng quản trị họp định kỳ ít nhất mỗi quý một lần hoặc họp bất thường để kịp thời giải quyết các công việc đột xuất do Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người được tạm thời giữ chức Chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập khi xét thấy cần thiết vì lợi ích của VEAM. Hội đồng quản trị họp tại trụ sở chính của Tổng công ty hoặc ở nơi khác;

3. Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị khi có một trong các trường hợp sau đây:

a) Có đề nghị của Ban kiểm soát;

b) Có đề nghị của Tổng giám đốc hoặc ít nhất 05 người quản lý khác;

c) Có đề nghị của ít nhất 02 thành viên Hội đồng quản trị;

d) Theo yêu cầu của kiểm toán viên độc lập liên quan đến báo cáo kiểm toán và tình hình VEAM;

đ) Các trường hợp khác do Hội đồng quản trị quyết định theo quy định của pháp luật.

Đề nghị phải được lập thành văn bản, trong đó nêu rõ mục đích, vấn đề cần thảo luận và quyết định thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị. Người có thẩm quyền triệu tập họp Hội đồng quản trị có quyền từ chối đề nghị nêu trên nếu vấn đề cần thảo luận và quyết định không thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị nhưng phải thông báo cho người đề nghị và các thành viên Hội đồng quản trị.

4. Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được đề nghị quy định tại khoản 3 Điều này. Trường hợp Chủ tịch không triệu tập họp Hội đồng quản trị theo đề nghị thì Chủ tịch phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại xảy ra đối với

VEAM; người đề nghị có quyền thay thế Hội đồng quản trị triệu tập họp Hội đồng quản trị.

5. Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập họp Hội đồng quản trị phải gửi thông báo mời họp chậm nhất 03 ngày làm việc trước ngày họp. Thông báo mời họp phải xác định cụ thể thời gian và địa điểm họp, chương trình, các vấn đề thảo luận và quyết định. Kèm theo thông báo mời họp phải có tài liệu sử dụng tại cuộc họp và phiếu biểu quyết của thành viên.

Thông báo mời họp được gửi bằng buro điện, fax, thư điện tử hoặc phương tiện khác, nhưng phải bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của từng thành viên Hội đồng quản trị được đăng ký tại VEAM.

6. Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập gửi thông báo mời họp và các tài liệu kèm theo đến các Kiểm soát viên như đối với các thành viên Hội đồng quản trị.

Kiểm soát viên có quyền dự các cuộc họp của Hội đồng quản trị; có quyền thảo luận nhưng không được biểu quyết.

7. Cuộc họp Hội đồng quản trị được tiến hành khi có từ ba phần tư tổng số thành viên trở lên dự họp. Trường hợp cuộc họp được triệu tập theo quy định khoản này không đủ số thành viên dự họp theo quy định thì được triệu tập lần thứ hai trong thời hạn 07 ngày, kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Trường hợp này, cuộc họp được tiến hành nếu có hơn một nửa số thành viên Hội đồng quản trị dự họp.

8. Thành viên Hội đồng quản trị được coi là tham dự và biểu quyết tại cuộc họp trong trường hợp sau đây:

- a) Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp;
- b) Ủy quyền cho người khác đến dự họp theo quy định tại khoản 9 Điều này;
- c) Tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến hoặc hình thức tương tự khác;
- d) Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử.

Trường hợp gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, phiếu biểu quyết phải đựng trong phong bì kín và phải được chuyển đến Chủ tịch Hội đồng quản trị chậm nhất một giờ trước khi khai mạc. Phiếu biểu quyết chỉ được mở trước sự chứng kiến của tất cả những người dự họp. Phiếu biểu quyết hợp lệ bằng văn bản có giá trị ngang bằng với phiếu biểu quyết của những người trực tiếp họp.

9. Thành viên phải tham dự đầy đủ các cuộc họp của Hội đồng quản trị. Thành viên được ủy quyền cho người khác dự họp nếu được đa số thành viên Hội đồng quản trị chấp thuận.

10. Cuộc họp của Hội đồng quản trị có thể tổ chức theo hình thức trực tiếp, bằng điện thoại hội đàm trực tuyến (video, tele-conference) giữa các thành

viên Hội đồng quản trị khi tất cả hoặc một số thành viên đang ở những địa điểm khác nhau với điều kiện là mỗi thành viên tham gia họp đều có thể:

a) Nghe từng thành viên Hội đồng quản trị khác cùng tham gia phát biểu trong cuộc họp;

b) Phát biểu với tất cả thành viên tham dự khác một cách đồng thời.

Việc trao đổi giữa các thành viên có thể thực hiện một cách trực tiếp, qua điện thoại hoặc bằng phương tiện thông tin liên lạc khác hoặc là kết hợp tất cả những phương thức này. Thành viên Hội đồng quản trị tham gia cuộc họp như vậy được coi là “có mặt” tại cuộc họp đó. Địa điểm cuộc họp được tổ chức theo quy định này là địa điểm có nhóm thành viên Hội đồng quản trị đông nhất dự họp hoặc là nơi mà Chủ tọa chủ trì cuộc họp.

Điều 39. Thông qua nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị

1. Hội đồng quản trị thông qua nghị quyết, quyết định bằng hình thức biểu quyết tại cuộc họp hoặc lấy ý kiến bằng văn bản, thư điện tử hoặc fax.

2. Quyền biểu quyết của thành viên Hội đồng quản trị

Mỗi thành viên Hội đồng quản trị tham dự cuộc họp Hội đồng quản trị có một phiếu biểu quyết tại cuộc họp. Nếu thành viên Hội đồng quản trị không thể tham dự cuộc họp thì có thể ủy quyền biểu quyết của mình bằng văn bản cho một thành viên Hội đồng quản trị khác (là đối tượng được phép tham gia biểu quyết) hoặc ủy quyền cho người khác theo quy định tại Điều lệ này thực hiện biểu quyết thay.

3. Thông qua nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị tại cuộc họp:

a) Nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị được thông qua nếu được đa số thành viên Hội đồng quản trị (trên 50%) có quyền biểu quyết dự họp tán thành (bao gồm cả phiếu biểu quyết bằng văn bản và biểu quyết theo ủy quyền). Trường hợp số phiếu ngang nhau thì quyết định cuối cùng thuộc về phía có ý kiến của Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người được Chủ tịch Hội đồng quản trị ủy quyền chủ tọa cuộc họp (trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị vắng mặt);

b) Các nghị quyết, quyết định được thông qua trong một cuộc họp qua điện thoại hoặc các phương tiện thông tin liên lạc được tổ chức và tiến hành một cách hợp lệ theo quy định tại khoản 10 Điều 39 Điều lệ này sẽ có hiệu lực ngay khi kết thúc cuộc họp nhưng phải được khẳng định bằng các chữ ký trong biên bản của tất cả thành viên Hội đồng quản trị tham dự cuộc họp này;

c) Trường hợp Hội đồng quản trị lấy ý kiến bằng văn bản để thông qua quyết định về một vấn đề thì quyết định được thông qua trên cơ sở ý kiến tán thành bằng văn bản của đa số thành viên Hội đồng quản trị có quyền tham gia biểu quyết. Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến thành viên Hội đồng quản trị bằng văn bản được thực hiện theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Quy chế tổ chức và hoạt động của Hội đồng quản trị.

Điều 40. Biên bản họp Hội đồng quản trị

1. Các cuộc họp của Hội đồng quản trị phải được ghi biên bản và có thể ghi âm, ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản phải lập bằng tiếng Việt và có thể lập thêm bằng tiếng nước ngoài, có các nội dung chủ yếu sau đây:

- a) Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;
- b) Mục đích, chương trình và nội dung họp;
- c) Thời gian, địa điểm họp;
- d) Họ, tên từng thành viên dự họp hoặc người được ủy quyền dự họp và cách thức dự họp; họ, tên các thành viên không dự họp và lý do;
- đ) Các vấn đề được thảo luận và biểu quyết tại cuộc họp;
- e) Tóm tắt phát biểu ý kiến của từng thành viên dự họp theo trình tự diễn biến của cuộc họp;
- g) Kết quả biểu quyết trong đó ghi rõ những thành viên tán thành, không tán thành và không có ý kiến;
- h) Các vấn đề đã được thông qua;
- i) Họ, tên, chữ ký chủ tọa và người ghi biên bản.

Chủ tọa và người ghi biên bản phải chịu trách nhiệm về tính trung thực và chính xác của nội dung biên bản họp Hội đồng quản trị.

2. Biên bản họp Hội đồng quản trị và tài liệu sử dụng trong cuộc họp phải được lưu giữ tại trụ sở chính của VEAM.

3. Biên bản lập bằng tiếng Việt hoặc tiếng nước ngoài (nếu cần thiết) có hiệu lực ngang nhau. Trường hợp có sự khác nhau về nội dung biên bản tiếng Việt và tiếng nước ngoài thì nội dung trong biên bản tiếng Việt có hiệu lực áp dụng.

Điều 41. Quyền được cung cấp thông tin của thành viên Hội đồng quản trị

1. Thành viên Hội đồng quản trị có quyền yêu cầu Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc, người quản lý VEAM cung cấp các thông tin, tài liệu về tình hình tài chính, hoạt động sản xuất, kinh doanh của VEAM và của các đơn vị trong VEAM.

2. Người được yêu cầu phải cung cấp kịp thời, đầy đủ và chính xác các thông tin, tài liệu theo yêu cầu của thành viên Hội đồng quản trị.

Điều 42. Miễn nhiệm, bãi nhiệm và bổ sung thành viên Hội đồng quản trị

1. Thành viên Hội đồng quản trị bị miễn nhiệm trong các trường hợp sau đây:

- a) Không có đủ tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại Điều 36 của Điều lệ này;

b) Không tham gia các hoạt động của Hội đồng quản trị trong 06 tháng liên tục mà không được sự chấp thuận của Hội đồng quản trị, trừ trường hợp bất khả kháng;

c) Thành viên đó gửi đơn bằng văn bản xin từ chức đến Hội đồng quản trị của VEAM (trong đó nêu rõ lí do xin từ chức).

2. Thành viên Hội đồng quản trị bị bãi nhiệm trong các trường hợp sau đây:

a) Vi phạm quy định của pháp luật đến mức bị truy tố;

b) Thành viên đó bị bãi nhiệm theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông;

c) Tư cách pháp nhân của cổ đông là tổ chức mà thành viên Hội đồng quản trị đó là người đại diện theo ủy quyền chấm dứt;

d) Mất tư cách là người đại diện phần vốn góp theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức;

đ) Bị Tòa án quyết định trục xuất khỏi lãnh thổ Việt Nam;

e) Bị cơ quan nhà nước có thẩm quyền xác định là vi phạm nghiêm trọng các quy định về công khai lợi ích và nghĩa vụ của thành viên Hội đồng quản trị;

g) Các trường hợp khác quy định của pháp luật.

3. Sau khi bị bãi nhiệm, miễn nhiệm theo khoản 1, khoản 2 Điều này, thành viên Hội đồng quản trị vẫn phải chịu trách nhiệm cá nhân đối với những quyết định của mình trong thời gian đương nhiệm.

4. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông để bầu bổ sung thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:

a) Số thành viên Hội đồng quản trị bị giảm quá một phần ba so với số quy định tại Điều lệ VEAM;

b) Không đủ số thành viên Hội đồng quản trị tối thiểu theo quy định của pháp luật.

Trong các trường hợp này, Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 60 ngày, kể từ ngày số thành viên bị giảm quá một phần ba.

Ngoài các trường hợp quy định tại điểm a), điểm b) khoản này, tại cuộc họp gần nhất, Đại hội đồng cổ đông bầu thành viên mới thay thế thành viên Hội đồng quản trị đã bị miễn nhiệm, bãi nhiệm.

5. Hội đồng quản trị có thể bổ nhiệm người khác tạm thời làm thành viên Hội đồng quản trị để thay thế chỗ trống phát sinh và thành viên mới này phải được chấp thuận tại Đại hội đồng cổ đông ngay tiếp sau đó. Sau khi được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận, việc bổ nhiệm thành viên mới đó được coi là có hiệu lực vào ngày được Hội đồng quản trị bổ nhiệm. Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị mới được tính từ ngày việc bổ nhiệm có hiệu lực đến ngày kết thúc nhiệm kỳ của Hội đồng quản trị. Trong trường hợp thành viên mới không được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận, mọi quyết định của Hội đồng

quản trị cho đến trước thời điểm diễn ra Đại hội đồng cổ đông có sự tham gia biểu quyết của thành viên Hội đồng quản trị thay thế vẫn được coi là có hiệu lực.

Điều 43. Tiền lương, thù lao và lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị
 1. Thành viên Hội đồng quản trị (không tính các đại diện được uỷ quyền thay thế) được nhận thù lao cho công việc của mình dưới tư cách là thành viên Hội đồng quản trị. Tổng mức thù lao cho Hội đồng quản trị do Đại hội đồng cổ đông quyết định. Khoản thù lao này được chia cho các thành viên Hội đồng quản trị theo thoả thuận trong Hội đồng quản trị .

2. Tổng số tiền trả cho từng thành viên Hội đồng quản trị bao gồm thù lao, chi phí, hoa hồng, quyền mua cổ phần và các lợi ích khác được hưởng từ Tổng công ty, công ty con, công ty liên kết của Tổng công ty và các công ty khác mà thành viên Hội đồng quản trị là đại diện phần vốn góp phải được công bố chi tiết trong báo cáo thường niên của Tổng công ty.

3. Thành viên Hội đồng quản trị nắm giữ chức vụ điều hành hoặc thành viên Hội đồng quản trị làm việc tại các tiểu ban của Hội đồng quản trị hoặc thực hiện những công việc khác mà theo Hội đồng quản trị là nằm ngoài phạm vi nhiệm vụ thông thường của một thành viên Hội đồng quản trị, có thể được trả thêm tiền thù lao dưới dạng một khoản tiền công trọn gói theo từng lần, lương, thù lao, phần trăm lợi nhuận hoặc dưới hình thức khác theo quyết định của Hội đồng quản trị.

4. Thành viên Hội đồng quản trị có quyền được thanh toán tất cả các chi phí đi lại, ăn, ở và các khoản chi phí hợp lý khác mà họ đã phải chi trả khi thực hiện trách nhiệm thành viên Hội đồng quản trị của mình, bao gồm cả các chi phí phát sinh trong việc tới tham dự các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị hoặc các tiểu ban của Hội đồng quản trị.

5. Tiền lương, thù lao của Hội đồng quản trị được tính vào chi phí kinh doanh của VEAM theo quy định của pháp luật và được ghi thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của VEAM, phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông tại các cuộc họp thường niên.

Điều 44. Các bộ phận giúp việc Hội đồng quản trị

1. Hội đồng quản trị có thể thành lập và uỷ quyền cho các Bộ phận trực thuộc, giúp việc cho Hội đồng quản trị.

2. Nhiệm vụ và quyền hạn của các Bộ phận; số lượng, tiêu chuẩn và điều kiện của các thành viên của các Bộ phận này do Hội đồng quản trị quyết định phù hợp với quy định của pháp luật.

3. Chủ tịch Hội đồng quản trị tuyển dụng Thư ký Tổng công ty để hỗ trợ Chủ tịch và các thành viên Hội đồng quản trị. Thư ký Tổng công ty có các quyền, nghĩa vụ sau:

a) Hỗ trợ tổ chức triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị; ghi chép các biên bản họp;

b) Hỗ trợ thành viên Hội đồng quản trị trong việc áp dụng và thực hiện các nguyên tắc quản trị VEAM.

c) Hỗ trợ VEAM trong việc xây dựng quan hệ cổ đông, bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của cổ đông, công khai hóa thông tin và thủ tục hành chính.

Mục 4. Tổng giám đốc Tổng công ty và các cán bộ quản lý

Điều 45. Tổng giám đốc

1. Hội đồng quản trị bổ nhiệm một người trong số các thành viên Hội đồng quản trị làm Tổng giám đốc.

2. Tổng giám đốc là người điều hành hoạt động sản xuất, kinh doanh hàng ngày của VEAM; chịu sự giám sát của Hội đồng quản trị; chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và trước pháp luật về việc điều hành hoạt động hàng ngày của VEAM và về việc thực hiện các quyền và nghĩa vụ được giao.

3. Nhiệm kỳ của Tổng giám đốc là 05 (năm) năm; Tổng giám đốc có thể được bổ nhiệm lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Việc bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm và từ chức của Tổng giám đốc được thực hiện theo quy định của pháp luật có liên quan.

4. Tổng giám đốc không đồng thời là Chủ tịch Hội đồng quản trị VEAM. Tổng giám đốc không đồng thời kiêm nhiệm bất cứ một chức vụ quản trị, kiểm soát, điều hành tại bất kỳ doanh nghiệp nào, trừ trường hợp khác theo quy định.

5. Tổng giám đốc có các quyền hạn và nghĩa vụ sau:

a) Tổ chức thực hiện các nghị quyết của Hội đồng quản trị;

b) Tổ chức thực hiện kế hoạch sản xuất, kinh doanh và phương án đầu tư của VEAM theo phân cấp của Hội đồng quản trị;

c) Quyết định các vấn đề liên quan đến công việc sản xuất, kinh doanh hàng ngày của Tổng công ty mà không cần phải có quyết định của Hội đồng quản trị.

d) Xây dựng, trình Hội đồng quản trị phê duyệt phương án cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ của VEAM.

đ) Bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm các chức danh quản lý trong VEAM, trừ các chức danh thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị;

e) Quyết định tiền lương và quyền lợi khác đối với người lao động trong VEAM, kể cả người quản lý thuộc thẩm quyền bổ nhiệm của Tổng giám đốc; đề xuất, trình Hội đồng quản trị quyết định mức lương, thù lao, các lợi ích và các điều khoản khác của hợp đồng lao động của cán bộ quản lý;

g) Tuyển dụng lao động theo kế hoạch tuyển dụng đã được Hội đồng quản trị phê duyệt;

h) Kiến nghị phương án trả cổ tức hoặc xử lý lỗ trong kinh doanh;

i) Trước ngày 15 tháng 12 hằng năm, Tổng giám đốc phải trình Hội đồng quản trị phê chuẩn kế hoạch sản xuất, kinh doanh chi tiết cho năm tài chính tiếp theo;

k) Đề xuất những biện pháp nâng cao hiệu quả hoạt động và quản lý của VEAM;

l) Đối với các hợp đồng, giao dịch thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng quản trị quy định tại Điều lệ, Tổng giám đốc ký kết hợp đồng sau khi có quyết định, nghị quyết của Hội đồng quản trị VEAM;

m) Lập bản dự toán dài hạn, hằng năm và hàng quý của VEAM (gọi tắt là bản dự toán) theo kế hoạch sản xuất, kinh doanh. Bản dự toán hằng năm (bao gồm cả bảng cân đối kế toán, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và báo cáo lưu chuyển tiền tệ dự kiến) cho từng năm tài chính trình Hội đồng quản trị thông qua;

n) Được quyết định áp dụng các biện pháp vượt thẩm quyền của mình trong trường hợp bất khả kháng, khẩn cấp (như thiên tai hỏa hoạn hay sự cố) và chịu trách nhiệm về những quyết định đó, đồng thời phải báo cáo Hội đồng quản trị để giải quyết tiếp;

o) Các quyền và nhiệm vụ khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ Tổng công ty và nghị quyết của Hội đồng quản trị.

6. Tổng giám đốc phải điều hành hoạt động sản xuất, kinh doanh hàng ngày của VEAM theo đúng quy định của pháp luật, Điều lệ này và nghị quyết của Hội đồng quản trị. Trường hợp Tổng giám đốc điều hành trái với quy định này mà gây thiệt hại cho VEAM thì Tổng giám đốc phải chịu trách nhiệm trước pháp luật và phải bồi thường thiệt hại cho VEAM.

Điều 46. Tiền lương, thù lao và lợi ích khác của Tổng giám đốc

1. Hội đồng quản trị quyết định tiền lương, thưởng và các lợi ích khác của Tổng giám đốc căn cứ vào kết quả và hiệu quả sản xuất, kinh doanh.

2. Tiền lương và chi phí cho hoạt động của Tổng giám đốc tính vào chi phí kinh doanh của VEAM theo quy định pháp luật.

3. Trường hợp Tổng giám đốc là thành viên Hội đồng quản trị sẽ được hưởng tiền lương, thù lao, lợi ích khác theo quy định tại Điều 43 của Điều lệ này.

Điều 47. Giúp việc cho Tổng giám đốc

1. Giúp việc cho Tổng giám đốc trong việc quản lý, điều hành công việc hàng ngày là các Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng, văn phòng, các ban, các phòng chuyên môn, nghiệp vụ và các đơn vị tương đương khác của VEAM.

2. Phó Tổng giám đốc là người giúp việc Tổng giám đốc trong việc quản lý, điều hành một hoặc một số lĩnh vực hoạt động của VEAM theo sự phân công, ủy quyền của Tổng giám đốc.

Phó Tổng giám đốc chịu trách nhiệm trước Tổng giám đốc và trước pháp luật về nhiệm vụ được Tổng giám đốc phân công, ủy quyền; đồng thời, chịu

trách nhiệm báo cáo, cung cấp các thông tin cho Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát khi cần thiết.

3. Số lượng Phó Tổng giám đốc tối đa là 05 (năm) người. Phó Tổng giám đốc do Hội đồng quản trị quyết định trên cơ sở đề xuất của Tổng giám đốc.

4. Kế toán trưởng giúp Tổng giám đốc chỉ đạo, thực hiện công tác kế toán, tài chính, thống kê của VEAM, có các quyền và nhiệm vụ theo quy định của pháp luật. Kế toán trưởng không được kiêm nhiệm chức vụ Phó Tổng giám đốc.

5. Các phòng, ban chức năng là cơ quan tham mưu cho Tổng giám đốc, thực hiện các chức năng, nhiệm vụ theo sự phân công của Tổng giám đốc.

Điều 48. Tiêu chuẩn, điều kiện của Tổng giám đốc

Tổng giám đốc VEAM phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện sau:

1. Có đủ năng lực hành vi dân sự và không thuộc đối tượng không được quản lý doanh nghiệp theo quy định của pháp luật;

2. Có trình độ chuyên môn, có năng lực và kinh nghiệm ít nhất 03 năm quản lý, điều hành doanh nghiệp thuộc ngành, nghề kinh doanh chính hoặc ngành, nghề có liên quan đến ngành, nghề kinh doanh chính của VEAM;

Điều 49. Miễn nhiệm, bãi nhiệm và thay thế Tổng giám đốc

1. Tổng giám đốc bị miễn nhiệm trong các trường hợp sau:

a) Không có đủ tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại Điều 48 Điều lệ này;

b) Có đơn xin từ chức (trong đó nêu rõ lý do xin từ chức) gửi Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát VEAM trước khi ngừng thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của mình ít nhất 45 ngày;

2. Tổng giám đốc có thể bị bãi nhiệm trong các trường hợp sau:

a) Theo quyết định của Hội đồng quản trị;

b) Không trung thực trong thực thi các nhiệm vụ hoặc lạm dụng địa vị, quyền hạn để thu lợi cho bản thân hoặc cho người khác; báo cáo không trung thực tình hình tài chính, tình hình kinh doanh của VEAM;

c) Cố tình vi phạm hoặc vi phạm gây hậu quả nghiêm trọng trong việc thực hiện Điều lệ VEAM, chế độ quản lý tài chính và các quy chế quản lý nội bộ khác; vi phạm nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị VEAM;

d) Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật.

3. Hội đồng quản trị bãi nhiệm Tổng giám đốc theo điểm a) khoản 2 Điều này khi có đa số thành viên Hội đồng quản trị dự họp có quyền biểu quyết tán thành và bổ nhiệm một Tổng giám đốc mới thay thế.

4. Trong trường hợp Tổng giám đốc bị miễn nhiệm, bãi nhiệm theo quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều này, Hội đồng quản trị bổ nhiệm Tổng giám đốc mới hoặc cử người tạm thay thế người đại diện theo pháp luật của Tổng công ty.

Đồng thời, Hội đồng quản trị gửi thông báo bằng văn bản cho cơ quan Nhà nước có thẩm quyền .

5. Trường hợp Tổng giám đốc vi phạm nghiêm trọng quy định của pháp luật và Điều lệ này, Hội đồng quản trị có quyền tạm đình chỉ quyền điều hành của Tổng giám đốc, đồng thời phải cử ngay một Phó Tổng giám đốc đảm bảo các điều kiện theo quy định tại Điều 48 Điều lệ này để đảm nhiệm công việc của Tổng giám đốc, báo cáo Đại hội đồng cổ đông gần nhất và tiến hành xử lý những sai phạm của Tổng giám đốc, cũng như bổ nhiệm người thay thế Tổng giám đốc.

6. Người được Hội đồng quản trị cử tạm thời thay thế Tổng giám đốc bị đình chỉ hoặc người được Hội đồng quản trị bổ nhiệm chức danh Tổng giám đốc, Chủ tịch Hội đồng quản trị và các thành viên Hội đồng quản trị, Trưởng Ban kiểm soát và thành viên Ban kiểm soát hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật và trước cổ đông về mọi hoạt động của VEAM.

Mục 5. Ban Kiểm soát

Điều 50. Ban kiểm soát

1. Ban kiểm soát là cơ quan do Đại hội đồng cổ đông bầu ra, thay mặt các cổ đông để kiểm soát, đánh giá một cách độc lập, khách quan và trung thực mọi hoạt động kinh doanh, quản trị và điều hành VEAM, thực trạng tài chính của VEAM và chịu trách nhiệm trước Đại hội đồng cổ đông trong thực hiện nhiệm vụ được giao.

2. Ban kiểm soát gồm 03 (ba) thành viên, trong đó có 02 (hai) thành viên chuyên trách và 01 (một) thành viên kiêm nhiệm, có ít nhất 02 (hai) thành viên thường trú ở Việt Nam. Các thành viên Ban kiểm soát không phải là người trong bộ phận kế toán, tài chính của Tổng công ty và không phải là thành viên hay nhân viên của công ty kiểm toán độc lập đang thực hiện việc kiểm toán báo cáo tài chính của VEAM.

3. Nhiệm kỳ của Kiểm soát viên không quá 05 (năm) năm; các Kiểm soát viên có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.

4. Ban kiểm soát bầu một thành viên trong số họ làm Trưởng Ban kiểm soát theo nguyên tắc đa số.

5. Nguyên tắc đề cử người vào Ban kiểm soát được thực hiện như sau: Các cổ đông nắm giữ cổ phần có quyền biểu quyết trong thời hạn liên tục ít nhất 06 (sáu) tháng có quyền gộp số quyền biểu quyết của từng người lại với nhau để đề cử các ứng cử viên Ban kiểm soát. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ:

a) Từ 5% đến dưới 30% số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử tối đa 01 (một) ứng cử viên;

b) Từ 30% đến dưới 50% số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử tối đa 02 (hai) ứng cử viên;

c) Từ 50% số cổ phần có quyền biểu quyết trở lên có quyền đề cử tối đa đủ số ứng cử viên.

6. Trường hợp số lượng các ứng cử viên Ban kiểm soát thông qua đề cử vẫn không đủ số lượng cần thiết, Ban kiểm soát đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử theo cơ chế được pháp luật quy định.

Điều 51. Quyền và nghĩa vụ của Ban kiểm soát

1. Ban kiểm soát thực hiện giám sát Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc trong việc quản lý và điều hành VEAM.

2. Kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp, tính trung thực và mức độ cẩn trọng trong quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh; tính hệ thống, nhất quán và phù hợp của công tác kế toán, thống kê và lập báo cáo tài chính.

3. Thẩm định tính đầy đủ, hợp pháp và trung thực của báo cáo tình hình kinh doanh, báo cáo tài chính hằng năm và 06 tháng của công ty, báo cáo đánh giá công tác quản lý của Hội đồng quản trị và trình báo cáo thẩm định tại cuộc họp thường niên Đại hội đồng cổ đông.

4. Rà soát, kiểm tra và đánh giá hiệu lực và hiệu quả của hệ thống kiểm soát nội bộ, kiểm toán nội bộ, quản lý rủi ro và cảnh báo sớm của công ty.

5. Xem xét sổ kế toán, ghi chép kế toán và các tài liệu khác của công ty, các công việc quản lý, điều hành hoạt động của công ty khi xét thấy cần thiết hoặc theo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông hoặc theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 15 của Điều lệ này.

6. Khi có yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 15 của Điều lệ này, Ban kiểm soát thực hiện kiểm tra trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được yêu cầu. Trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày kết thúc kiểm tra, Ban kiểm soát phải báo cáo giải trình về những vấn đề được yêu cầu kiểm tra đến Hội đồng quản trị và cổ đông hoặc nhóm cổ đông có yêu cầu.

Việc kiểm tra của Ban kiểm soát quy định tại khoản này không được cản trở hoạt động bình thường của Hội đồng quản trị, không gây gián đoạn điều hành hoạt động kinh doanh của VEAM.

7. Kiến nghị Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông các biện pháp sửa đổi, bổ sung, cải tiến cơ cấu tổ chức quản lý, giám sát và điều hành hoạt động kinh doanh của VEAM.

8. Khi phát hiện có thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc hoặc Tổng giám đốc vi phạm quy định tại Điều 160 Luật Doanh nghiệp và Điều lệ này thì phải thông báo ngay bằng văn bản với Hội đồng quản trị, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt hành vi vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả.

9. Có quyền tham dự và tham gia thảo luận tại các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị và các cuộc họp khác của VEAM.

10. Có quyền sử dụng tư vấn độc lập, bộ phận kiểm toán nội bộ của VEAM để thực hiện các nhiệm vụ được giao.

11. Ban kiểm soát có thể tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị trước khi trình báo cáo, kết luận và kiến nghị lên Đại hội đồng cổ đông;

12. Thực hiện các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.

Điều 52. Quyền được cung cấp thông tin của Ban kiểm soát

1. Thông báo mời họp, phiếu lấy ý kiến thành viên Hội đồng quản trị và các tài liệu kèm theo phải được gửi đến các Kiểm soát viên cùng thời điểm và theo phương thức như đối với thành viên Hội đồng quản trị.

2. Các nghị quyết và biên bản họp của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị phải được gửi đến cho các Kiểm soát viên cùng thời điểm và theo phương thức như đối với thành viên Hội đồng quản trị.

3. Báo cáo của Tổng giám đốc trình Hội đồng quản trị hoặc tài liệu khác do VEAM phát hành được gửi đến các Kiểm soát viên cùng thời điểm và theo phương thức như đối với thành viên Hội đồng quản trị.

4. Kiểm soát viên có quyền tiếp cận các hồ sơ, tài liệu của VEAM lưu giữ tại trụ sở chính, chi nhánh và địa điểm khác; có quyền đến các địa điểm làm việc của người quản lý và nhân viên của VEAM trong giờ làm việc.

5. Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, người quản lý khác phải cung cấp thông tin đầy đủ, chính xác và kịp thời thông tin, tài liệu về công tác quản lý, điều hành và hoạt động kinh doanh của VEAM theo yêu cầu của thành viên Ban kiểm soát hoặc Ban kiểm soát.

Điều 53. Tiêu chuẩn và điều kiện của Kiểm soát viên

1. Tiêu chuẩn và điều kiện của Kiểm soát viên:

a) Có năng lực và hành vi dân sự, không thuộc đối tượng bị cấm thành lập và quản lý doanh nghiệp theo quy định của Luật Doanh nghiệp; Không phải là vợ hoặc chồng, cha đẻ, cha nuôi, mẹ đẻ, mẹ nuôi, con đẻ, con nuôi, anh ruột, chị ruột, em ruột của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và người quản lý Tổng công ty; Không được giữ các chức vụ quản lý của Tổng công ty;

b) Phải là kế toán viên hoặc kiểm toán viên;

c) Các tiêu chuẩn và điều kiện khác theo quy định khác của pháp luật có liên quan và Điều lệ Tổng công ty.

2. Kiểm soát viên bị miễn nhiệm trong các trường hợp sau:

a) Không còn đủ tiêu chuẩn và điều kiện làm Kiểm soát viên theo quy định tại Khoản 1 Điều này;

b) Không thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình trong 06 tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;

c) Có đơn từ chức và được chấp thuận;

d) Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật.

3. Kiểm soát viên bị bãi nhiệm trong các trường hợp sau đây:

a) Không hoàn thành nhiệm vụ, công việc được phân công;

b) Vi phạm nghiêm trọng hoặc vi phạm nhiều lần nghĩa vụ của Kiểm soát viên quy định của pháp luật và Điều lệ VEAM;

c) Bị cách chức thành viên Ban kiểm soát theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông;

d) Vắng mặt không tham dự các cuộc họp của Ban kiểm soát trong vòng 06 (sáu) tháng liên tục không được sự chấp thuận của Ban kiểm soát, trừ trường hợp bất khả kháng.

Điều 54. Trưởng Ban kiểm soát

1. Tiêu chuẩn và điều kiện của Trưởng Ban kiểm soát:

a) Đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại Điều 53 của Điều lệ này;

b) Phải là kế toán viên hoặc kiểm toán viên chuyên nghiệp;

c) Phải làm việc chuyên trách tại VEAM;

2. Quyền hạn và nhiệm vụ của Trưởng Ban kiểm soát:

a) Các quyền hạn và nhiệm vụ quy định tại Điều 51 Điều lệ này;

b) Triệu tập và chủ tọa các cuộc họp Ban kiểm soát;

c) Yêu cầu Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và các cán bộ quản lý khác cung cấp các thông tin liên quan để báo cáo Ban kiểm soát;

d) Lập và ký báo cáo của Ban kiểm soát sau khi đã tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị để trình Đại hội đồng cổ đông;

đ) Thay mặt Ban kiểm soát yêu cầu Hội đồng quản trị họp bất thường khi cần thiết để thực hiện nhiệm vụ của Ban kiểm soát; thay mặt Ban kiểm soát triệu tập Đại hội đồng cổ đông bất thường khi Hội đồng quản trị có hành vi vi phạm pháp luật theo quy định của Điều lệ này và pháp luật;

e) Thay mặt Ban kiểm soát ký các văn bản thuộc thẩm quyền của Ban kiểm soát;

g) Chuẩn bị kế hoạch làm việc và phân công nhiệm vụ cụ thể cho các thành viên của Ban kiểm soát theo quy định nội bộ của Ban kiểm soát;

h) Đảm bảo các thành viên Ban kiểm soát nhận được thông tin đầy đủ, khách quan, chính xác và dễ hiểu liên quan đến các vấn đề mà Ban kiểm soát phải xem xét; đảm bảo việc có đủ thời gian trước và trong các cuộc họp của Ban kiểm soát để thảo luận và cân nhắc các vấn đề phức tạp hoặc gây tranh cãi;

i) Ủy quyền cho một thành viên khác của Ban kiểm soát thực hiện nhiệm vụ của mình trong thời gian vắng mặt;

k) Các quyền hạn và nhiệm vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

Điều 55. Trình báo cáo hằng năm

Báo cáo hoạt động của Ban kiểm soát trình Đại hội đồng cổ đông thường niên tối thiểu phải bao gồm các nội dung sau:

1. Hoạt động, thù lao và chi phí hoạt động của Ban kiểm soát và từng thành viên Ban kiểm soát;
2. Tổng kết các cuộc họp của Ban kiểm soát và các quyết định của Ban kiểm soát;
3. Kết quả giám sát tình hình hoạt động và tài chính của VEAM;
4. Kết quả giám sát đối với thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và các cán bộ quản lý khác;
5. Báo cáo đánh giá sự phối hợp hoạt động giữa Ban kiểm soát với Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và cổ đông.

Điều 56. Tiền lương và quyền lợi khác của Kiểm soát viên

1. Kiểm soát viên được trả tiền lương hoặc thù lao và được hưởng các quyền lợi khác theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông. Đại hội đồng cổ đông quyết định tổng mức lương, thù lao và ngân sách hoạt động hằng năm của Ban kiểm soát.

2. Kiểm soát viên được thanh toán chi phí ăn, ở, đi lại, chi phí sử dụng dịch vụ tư vấn độc lập với mức hợp lý. Tổng mức thù lao và chi phí này không vượt quá tổng ngân sách hoạt động hằng năm của Ban kiểm soát đã được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông có quyết định khác.

3. Tiền lương và chi phí hoạt động của Ban kiểm soát được tính vào chi phí kinh doanh của VEAM theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, pháp luật có liên quan và phải được lập thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của VEAM.

Mục 6. Trách nhiệm của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Tổng giám đốc và người quản lý VEAM

Điều 57. Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi

1. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc và cán bộ quản lý khác không được phép sử dụng những cơ hội kinh doanh có thể mang lại lợi ích cho Tổng công ty vì mục đích cá nhân; đồng thời không được sử dụng những thông tin có được nhờ chức vụ của mình để tư lợi cá nhân hay để phục vụ lợi ích của tổ chức hoặc cá nhân khác.

2. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc và cán bộ quản lý khác có nghĩa vụ thông báo cho Hội đồng quản trị tất cả

các lợi ích có thể gây xung đột với lợi ích của Tổng công ty mà họ có thể được hưởng thông qua các pháp nhân kinh tế, các giao dịch hoặc cá nhân khác.

3. Tổng công ty không cấp các khoản vay hoặc bảo lãnh cho các thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc, cán bộ quản lý khác và những người có liên quan tới các thành viên nêu trên hoặc pháp nhân mà những người này có các lợi ích tài chính, trừ trường hợp các khoản vay hoặc bảo lãnh nêu trên đã được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận.

4. Hợp đồng hoặc giao dịch giữa Tổng công ty với một hoặc nhiều thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc, cán bộ quản lý khác hoặc những người liên quan đến họ hoặc công ty, đối tác, hiệp hội, hoặc tổ chức mà thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc, cán bộ quản lý khác hoặc những người liên quan đến họ là thành viên, hoặc có liên quan lợi ích tài chính không bị vô hiệu hoá trong các trường hợp sau đây:

a) Đối với hợp đồng có giá trị dưới 25% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất, những yếu tố quan trọng về hợp đồng hoặc giao dịch cũng như các mối quan hệ và lợi ích của cán bộ quản lý hoặc thành viên Hội đồng quản trị đã được báo cáo cho Hội đồng quản trị. Đồng thời, Hội đồng quản trị đó đã cho phép thực hiện hợp đồng hoặc giao dịch đó một cách trung thực bằng đa số phiếu tán thành của những thành viên Hội đồng không có lợi ích liên quan;

b) Đối với những hợp đồng có giá trị bằng hoặc lớn hơn 25% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất, những yếu tố quan trọng về hợp đồng hoặc giao dịch này cũng như mối quan hệ và lợi ích của cán bộ quản lý hoặc thành viên Hội đồng quản trị đã được công bố cho các cổ đông không có lợi ích liên quan có quyền biểu quyết về vấn đề đó, và những cổ đông đó đã bỏ phiếu tán thành hợp đồng hoặc giao dịch này;

c) Hợp đồng hoặc giao dịch đó được một tổ chức tư vấn độc lập cho là công bằng và hợp lý xét trên mọi phương diện liên quan đến các cổ đông của Tổng công ty vào thời điểm giao dịch hoặc hợp đồng này được Hội đồng quản trị hoặc một tiểu ban trực thuộc Hội đồng quản trị hay các cổ đông cho phép thực hiện.

Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc, cán bộ quản lý khác và những người có liên quan với các thành viên nêu trên không được sử dụng các thông tin chưa được phép công bố của Tổng công ty hoặc tiết lộ cho người khác để thực hiện các giao dịch có liên quan.

Điều 58. Quyền khởi kiện đối với thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc

1. Cổ đông, nhóm cổ đông sở hữu ít nhất 1% số cổ phần phổ thông liên tục trong thời hạn 06 tháng có quyền tự mình hoặc nhân danh VEAM khởi kiện trách nhiệm dân sự đối với thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc trong các trường hợp sau đây:

a) Vi phạm nghĩa vụ người quản lý công ty theo quy định tại Điều 160 Luật Doanh nghiệp và của Điều lệ này;

b) Không thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ được giao; không thực hiện, thực hiện không đầy đủ, không kịp thời nghị quyết của Hội đồng quản trị;

c) Thực hiện các quyền và nghĩa vụ được giao trái với quy định của pháp luật, Điều lệ VEAM hoặc nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông;

d) Sử dụng thông tin, bí quyết, cơ hội kinh doanh của VEAM để tư lợi riêng hoặc phục vụ cho lợi ích của tổ chức, cá nhân khác;

đ) Sử dụng địa vị, chức vụ và sử dụng tài sản của VEAM để tư lợi riêng hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác;

e) Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật.

2. Trình tự, thủ tục khởi kiện thực hiện tương ứng theo quy định của pháp luật về tố tụng dân sự. Chi phí khởi kiện trong trường hợp cổ đông, nhóm cổ đông khởi kiện nhân danh VEAM sẽ tính vào chi phí của VEAM, trừ trường hợp thành viên khởi kiện bị bác yêu cầu khởi kiện.

Điều 59. Hợp đồng, giao dịch phải được Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị chấp thuận

1. Hợp đồng, giao dịch giữa VEAM với các đối tượng sau đây phải được Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị chấp thuận:

a) Cổ đông, người đại diện ủy quyền của cổ đông sở hữu trên 10% tổng số cổ phần phổ thông của VEAM và những người có liên quan của họ;

b) Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và người có liên quan của họ;

c) Doanh nghiệp quy định tại khoản 2 Điều 159 Luật Doanh nghiệp.

2. Hội đồng quản trị chấp thuận các hợp đồng và giao dịch có giá trị nhỏ hơn 25% tổng giá trị tài sản doanh nghiệp ghi trong báo cáo tài chính gần nhất. Trường hợp này, người đại diện VEAM ký hợp đồng phải thông báo các thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên về các đối tượng có liên quan đối với hợp đồng, giao dịch đó; đồng thời kèm theo dự thảo hợp đồng hoặc nội dung chủ yếu của giao dịch. Hội đồng quản trị quyết định việc chấp thuận hợp đồng hoặc giao dịch trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được thông báo, thành viên có lợi ích liên quan không có quyền biểu quyết.

3. Đại hội đồng cổ đông chấp thuận các hợp đồng và giao dịch khác ngoài các giao dịch quy định tại khoản 2 Điều này. Trường hợp này, người đại diện VEAM ký hợp đồng phải thông báo Hội đồng quản trị và Kiểm soát viên về các đối tượng có liên quan đối với hợp đồng, giao dịch đó; đồng thời kèm theo dự thảo hợp đồng hoặc thông báo nội dung chủ yếu của giao dịch. Hội đồng quản trị trình dự thảo hợp đồng hoặc giải trình về nội dung chủ yếu của giao dịch tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông hoặc lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản. Trường hợp này, cổ đông có lợi ích liên quan không có quyền biểu quyết; hợp đồng

hoặc giao dịch được chấp thuận khi có số cổ đông đại diện 65% tổng số phiếu biểu quyết còn lại tán thành.

4. Hợp đồng, giao dịch bị vô hiệu và xử lý theo quy định của pháp luật khi được ký kết hoặc thực hiện mà chưa được chấp thuận theo quy định tại khoản 2 và khoản 3 Điều này, gây thiệt hại cho VEAM; người ký kết hợp đồng, cổ đông, thành viên Hội đồng quản trị hoặc Tổng giám đốc có liên quan phải liên đới bồi thường thiệt hại phát sinh, hoàn trả cho VEAM các khoản lợi thu được từ việc thực hiện hợp đồng, giao dịch đó.

Điều 60. Trách nhiệm về thiệt hại và bồi thường

1. Tổng công ty bồi thường cho những người đã, đang hoặc có thể trở thành một bên liên quan trong các vụ khiếu nại, kiện, khởi tố (bao gồm các vụ việc dân sự, hành chính và không phải là các vụ kiện do VEAM là người khởi kiện) nếu người đó đã hoặc đang là thành viên Hội đồng quản trị, cán bộ quản lý, nhân viên hoặc là đại diện được VEAM uỷ quyền hoặc người đó đã hoặc đang làm theo yêu cầu của VEAM với tư cách thành viên Hội đồng quản trị, cán bộ quản lý, nhân viên hoặc đại diện theo uỷ quyền của VEAM với điều kiện người đó đã hành động trung thực, cẩn trọng, miễn cán vì lợi ích hoặc không chống lại lợi ích cao nhất của VEAM, trên cơ sở tuân thủ luật pháp và không có bằng chứng xác nhận rằng người đó đã vi phạm những trách nhiệm của mình. Khi thực hiện chức năng, nhiệm vụ hoặc thực thi các công việc theo uỷ quyền của Tổng công ty, thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, cán bộ quản lý, nhân viên hoặc là đại diện theo uỷ quyền của VEAM được Tổng công ty bồi thường khi trở thành một bên liên quan trong các vụ khiếu nại, kiện, khởi tố (trừ các vụ kiện do Tổng công ty là người khởi kiện) trong các trường hợp sau:

a) Đã hành động trung thực, cẩn trọng, miễn cán vì lợi ích và không mâu thuẫn với lợi ích của VEAM;

b) Tuân thủ luật pháp và không có bằng chứng xác nhận đã không thực hiện trách nhiệm của mình.

2. Chi phí bồi thường bao gồm các chi phí phát sinh (kể cả phí thuê luật sư), chi phí phán quyết, các khoản tiền phạt, các khoản phải thanh toán phát sinh trong thực tế hoặc được coi là mức hợp lý khi giải quyết những vụ việc này trong khuôn khổ luật pháp cho phép. VEAM có thể mua bảo hiểm cho những người đó để tránh những trách nhiệm bồi thường nêu trên.

CHƯƠNG IV QUAN HỆ GIỮA VEAM VỚI CÁC ĐƠN VỊ TRỰC THUỘC, CÔNG TY CON, CÔNG TY LIÊN KẾT

Điều 61. Công ty mẹ, công ty con

1. Tổng công ty là công ty mẹ của công ty khác nếu thuộc một trong các trường hợp sau đây:

a) Sở hữu trên 50% vốn điều lệ hoặc tổng số cổ phần phổ thông của công ty đó;

b) Có quyền trực tiếp hoặc gián tiếp quyết định bổ nhiệm đa số hoặc tất cả thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc hoặc Tổng giám đốc của công ty đó;

c) Có quyền quyết định việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ của công ty đó.

2. Công ty con không được đầu tư góp vốn, mua cổ phần của công ty mẹ. Các công ty con của cùng một công ty mẹ không được cùng nhau góp vốn, mua cổ phần để sở hữu chéo lẫn nhau.

3. Các công ty con trong cùng một công ty mẹ không được cùng nhau góp vốn thành lập doanh nghiệp theo quy định của Luật Doanh nghiệp.

Điều 62. Quyền và trách nhiệm của công ty mẹ đối với công ty con

1. Tùy thuộc vào loại hình pháp lý của công ty con, công ty mẹ thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình với tư cách là thành viên, chủ sở hữu hoặc cổ đông trong quan hệ với công ty con theo quy định tương ứng của Luật Doanh nghiệp và quy định khác của pháp luật có liên quan.

2. Hợp đồng, giao dịch và quan hệ khác giữa công ty mẹ và công ty con đều phải được thiết lập và thực hiện độc lập, bình đẳng theo điều kiện áp dụng đối với các chủ thể pháp lý độc lập.

3. Trường hợp công ty mẹ can thiệp ngoài thẩm quyền của chủ sở hữu, thành viên hoặc cổ đông và buộc công ty con phải thực hiện hoạt động kinh doanh trái với thông lệ kinh doanh bình thường hoặc thực hiện hoạt động không sinh lợi mà không đền bù hợp lý trong năm tài chính có liên quan, gây thiệt hại cho công ty con thì công ty mẹ phải chịu trách nhiệm về thiệt hại đó.

4. Người quản lý của công ty mẹ chịu trách nhiệm về việc can thiệp buộc công ty con thực hiện hoạt động kinh doanh quy định tại khoản 3 Điều này phải liên đới cùng công ty mẹ chịu trách nhiệm về các thiệt hại đó.

5. Trường hợp công ty mẹ không đền bù cho công ty con theo quy định tại khoản 3 Điều này thì chủ nợ hoặc thành viên, cổ đông có sở hữu ít nhất 1% vốn điều lệ của công ty con có quyền nhân danh chính mình hoặc nhân danh công ty con đòi công ty mẹ đền bù thiệt hại cho công ty con.

6. Trường hợp hoạt động kinh doanh như quy định tại khoản 3 Điều này do công ty con thực hiện đem lại lợi ích cho công ty con khác của cùng một công ty mẹ thì công ty con được hưởng lợi đó phải liên đới cùng công ty mẹ hoàn trả khoản lợi được hưởng đó cho công ty con bị thiệt hại.

Điều 63. Báo cáo tài chính của công ty mẹ, công ty con

1. Vào thời điểm kết thúc năm tài chính, ngoài báo cáo và tài liệu theo quy định của pháp luật, công ty mẹ còn phải lập các báo cáo sau đây:

a) Báo cáo tài chính hợp nhất của công ty mẹ theo quy định của pháp luật về kế toán;

b) Báo cáo tổng hợp kết quả kinh doanh hằng năm của công ty mẹ và công ty con;

c) Báo cáo tổng hợp công tác quản lý, điều hành của công ty mẹ và công ty con.

2. Người chịu trách nhiệm lập báo cáo quy định tại khoản 1 Điều này chưa được lập và đệ trình các báo cáo đó nếu chưa nhận được đầy đủ báo cáo tài chính của các công ty con.

3. Khi có yêu cầu của người đại diện theo pháp luật của công ty mẹ, người đại diện theo pháp luật của công ty con phải cung cấp các báo cáo, tài liệu và thông tin cần thiết như quy định để lập báo cáo tài chính hợp nhất và báo cáo tổng hợp của công ty mẹ và công ty con.

4. Người quản lý công ty mẹ sử dụng các báo cáo đó để lập báo cáo tài chính hợp nhất và báo cáo tổng hợp của công ty mẹ và công ty con nếu không có nghi ngờ về việc báo cáo do công ty con lập và đệ trình có thông tin sai lệch, không chính xác hoặc giả mạo.

5. Trong trường hợp người quản lý công ty mẹ đã áp dụng các biện pháp cần thiết trong phạm vi thẩm quyền mà vẫn không nhận được báo cáo, tài liệu và thông tin cần thiết như quy định từ công ty con thì người quản lý công ty mẹ vẫn lập và trình báo cáo tài chính hợp nhất, báo cáo tổng hợp của công ty mẹ và công ty con. Báo cáo có thể gồm hoặc không gồm các thông tin từ công ty con đó, nhưng phải có giải trình cần thiết để tránh hiểu nhầm hoặc hiểu sai lệch.

6. Các báo cáo, tài liệu quyết toán tài chính hằng năm của công ty mẹ, của công ty con và các báo cáo tài chính hợp nhất, báo cáo tổng hợp của công ty mẹ và công ty con phải được lưu giữ tại trụ sở chính của công ty mẹ. Bản sao của các báo cáo, tài liệu quy định tại khoản này phải có ở các chi nhánh của công ty mẹ trên lãnh thổ Việt Nam.

7. Đối với các công ty con, ngoài các báo cáo, tài liệu theo quy định của pháp luật, còn phải lập báo cáo tổng hợp về mua, bán và các giao dịch khác với công ty mẹ.

CHƯƠNG V CƠ CHẾ TÀI CHÍNH

Mục 1. Chế độ tài chính, hệ thống kế toán và năm tài chính

Điều 64. Chế độ tài chính

1. Tổng công ty chấp hành chế độ tài chính theo quy định của pháp luật. Việc quản lý vốn, tài sản, doanh thu, chi phí, giá thành, lợi nhuận và phân phối lợi nhuận, trích lập và sử dụng các quỹ thực hiện theo quy định của pháp luật, được cụ thể trong Quy chế quản lý tài chính của VEAM.

2. Nội dung Quy chế quản lý tài chính của VEAM được xây dựng trên nguyên tắc quản lý đối với công ty cổ phần do Nhà nước nắm quyền chi phối. Hội đồng quản trị có trách nhiệm xây dựng Quy chế quản lý tài chính của VEAM.

Quy chế quản lý tài chính có các nội dung chính sau:

- a) Cơ chế quản lý và sử dụng vốn;
- b) Cơ chế quản lý và sử dụng tài sản;
- c) Cơ chế quản lý doanh thu, chi phí và kết quả hoạt động kinh doanh của VEAM;
- d) Cơ chế phân phối lợi nhuận; các quỹ và mục đích sử dụng các quỹ của VEAM;
- đ) Cơ chế quản lý kế hoạch tài chính, chế độ kế toán, thống kê và kiểm toán;
- e) Quyền hạn, nghĩa vụ và trách nhiệm của Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc trong việc quản lý tài chính VEAM;
- g) Mọi quan hệ tài chính giữa VEAM với các công ty con, công ty liên kết.

3. VEAM tự chủ về tài chính, tự chịu trách nhiệm về hoạt động kinh doanh của mình, thực hiện nghĩa vụ và các cam kết của mình theo quy định của pháp luật.

Điều 65. Hệ thống kế toán

1. Hệ thống kế toán VEAM sử dụng là Hệ thống kế toán Việt nam (VAS) theo quy định. VEAM thực hiện hạch toán theo hệ thống tài khoản kế toán do Bộ Tài chính quy định.

2. Tổng công ty sử dụng đồng Việt Nam (VND) làm đơn vị tiền tệ dùng trong kế toán.

3. Các sổ sách kế toán của VEAM được lập bằng tiếng Việt theo quy định của pháp luật. Các sổ sách đó phải cập nhật chính xác, có hệ thống và đủ để chứng minh và giải trình các giao dịch.

Điều 66. Năm tài chính

Năm tài chính của VEAM bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 (dương lịch) và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 (dương lịch) hằng năm.

Mục 2. Kiểm toán

Điều 67. Kiểm toán độc lập

1. Theo đề nghị của Ban kiểm soát, Đại hội đồng cổ đông quyết định chọn một công ty kiểm toán độc lập hoặc thông qua danh sách các công ty kiểm toán độc lập và ủy quyền cho Hội đồng quản trị quyết định lựa chọn một trong số các đơn vị này tiến hành các hoạt động kiểm toán báo cáo tài chính hằng năm

của VEAM phù hợp với quy định tại Điều lệ này và quy định có liên quan của pháp luật. Công ty kiểm toán độc lập phải được cơ quan nhà nước có thẩm quyền chấp thuận.

2. Một bản sao của báo cáo kiểm toán phải được gửi đính kèm với bản báo cáo tài chính hằng năm của VEAM.

3. VEAM phải chuẩn bị và gửi báo cáo tài chính năm cho công ty kiểm toán độc lập khi kết thúc năm tài chính.

4. Công ty kiểm toán độc lập của VEAM sẽ kiểm tra, xác thực và báo cáo trên cơ sở báo cáo kế toán hằng năm của VEAM và phải chuẩn bị báo cáo kiểm toán và trình báo cáo đó cho Hội đồng quản trị trong vòng 02 (hai) tháng kể từ ngày kết thúc mỗi năm tài chính.

5. Kiểm toán viên thực hiện việc kiểm toán báo cáo tài chính của Tổng công ty được phép tham dự các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và được phát biểu ý kiến tại đại hội về các vấn đề có liên quan đến kiểm toán.

6. Việc kiểm toán cụ thể các hoạt động của VEAM được thực hiện theo quy định của Luật Kế toán, pháp luật về kiểm toán độc lập.

Điều 68. Kiểm toán nội bộ

1. Công tác kiểm toán nội bộ nhằm phục vụ cho công tác điều hành của Tổng giám đốc và công tác giám sát, kiểm tra của Ban kiểm soát, Hội đồng quản trị đối với công ty mẹ, các đơn vị trực thuộc, các công ty con, công ty liên kết của VEAM.

2. VEAM có thể thành lập bộ phận Kiểm toán nội bộ để trực tiếp thực hiện chức năng kiểm toán nội bộ.

Mục 3. Phân phối lợi nhuận

Điều 69. Phân phối lợi nhuận và trích lập các quỹ

1. Tổng công ty phân phối lợi nhuận, chi trả cổ tức cho cổ đông sau khi đã hoàn thành nghĩa vụ thuế và các nghĩa vụ tài chính khác theo quy định của pháp luật.

2. Hằng năm, VEAM phân phối lợi nhuận sau thuế như sau:

a) Bù đắp lỗ các năm trước (nếu có);

b) Trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi;

c) Trích lập quỹ đầu tư phát triển;

d) Chi trả cổ tức cho cổ đông theo quy định tại Điều 70 của Điều lệ này.

đ) Đại hội đồng cổ đông quyết định việc phân phối lợi nhuận, trích lập các quỹ theo quy định.

Điều 70. Cổ tức

1. Đại hội đồng cổ đông quyết định mức chi và hình thức chi trả cổ tức hằng năm.
2. Cổ tức trả cho cổ đông được xác định căn cứ vào số lợi nhuận ròng đã thực hiện và khoản chi trả cổ tức được trích từ nguồn lợi nhuận giữ lại của VEAM. VEAM chỉ được trả cổ tức khi có đủ các điều kiện sau đây:
 - a) VEAM đã hoàn thành nghĩa vụ thuế và các nghĩa vụ tài chính khác theo quy định của pháp luật;
 - b) Đã trích lập các quỹ và bù đắp đủ lỗ trước đó theo quy định của pháp luật và Điều lệ này;
 - c) Sau khi trả hết số cổ tức, VEAM phải bảo đảm thanh toán đủ các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác đến hạn.
3. Cổ tức có thể được chi trả bằng tiền mặt, bằng cổ phần của VEAM do Đại hội đồng cổ đông quyết định. Nếu chi trả bằng tiền mặt thì phải được thực hiện bằng Đồng Việt Nam và có thể được chi trả bằng séc, chuyển khoản hoặc lệnh trả tiền gửi bằng bưu điện đến địa chỉ thường trú hoặc địa chỉ liên lạc của cổ đông.
4. Cổ tức phải được thanh toán đầy đủ trong thời hạn 06 tháng, kể từ ngày kết thúc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên. Hội đồng quản trị lập danh sách cổ đông được nhận cổ tức, xác định mức cổ tức được trả đối với từng cổ phần, thời hạn và hình thức trả chậm nhất 30 ngày trước mỗi lần trả cổ tức. Thông báo về trả cổ tức được gửi bằng phương thức bảo đảm đến cổ đông theo địa chỉ đăng ký trong sổ đăng ký cổ đông chậm nhất 15 ngày trước khi thực hiện trả cổ tức. Thông báo phải có các nội dung sau đây:
 - a) Tên và địa chỉ trụ sở chính của VEAM;
 - b) Họ tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Giấy chứng minh nhân dân, Thẻ căn cước công dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác đối với cổ đông là cá nhân;
 - c) Tên, mã số doanh nghiệp hoặc số quyết định thành lập, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức;
 - d) Số lượng cổ phần hiện hữu của cổ đông, tỷ lệ cổ tức và tổng số cổ tức mà cổ đông được nhận;
 - đ) Thời điểm và phương thức trả cổ tức;
 - e) Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị và người đại diện theo pháp luật của VEAM.
5. Tổng công ty sẽ khấu trừ các khoản phí, thuế liên quan đến cổ tức theo quy định của pháp luật.
6. Trường hợp cổ đông chuyển nhượng cổ phần của mình trong thời gian giữa thời điểm kết thúc lập danh sách cổ đông và thời điểm trả cổ tức thì người chuyển nhượng là người nhận cổ tức từ VEAM.

CHƯƠNG VI

QUYỀN KIỂM TRA SỔ SÁCH, HỒ SƠ VÀ CHẾ ĐỘ BÁO CÁO

Điều 71. Quyền kiểm tra sổ sách và hồ sơ

Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc và cán bộ quản lý khác có quyền kiểm tra sổ đăng ký cổ đông của VEAM, danh sách cổ đông và những sổ sách và hồ sơ khác của VEAM để phục vụ cho nhiệm vụ của mình tại VEAM và chịu trách nhiệm bảo mật các thông tin tài liệu được cung cấp.

Điều 72. Báo cáo tài chính

1. Tổng công ty lập các báo cáo tài chính theo quy định của pháp luật về kế toán, thống kê và báo cáo hoạt động nghiệp vụ định kỳ theo quy định của pháp luật. Toàn bộ tài liệu kế toán, chứng từ, sổ và báo cáo của VEAM được lập và lưu giữ bằng tiếng Việt. Tất cả các hồ sơ và báo cáo tài chính, kế toán quan trọng cần phải có sự chấp thuận và chữ ký của Tổng giám đốc và Kế toán trưởng.

2. Báo cáo tài chính hằng năm của VEAM bao gồm:

a) Bảng cân đối kế toán;

b) Báo cáo lưu chuyển tiền tệ;

c) Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh;

d) Thuyết minh báo cáo tài chính, thuế và tình hình thực hiện nghĩa vụ với Nhà nước.

Ngoài các báo cáo trên, VEAM lập các báo cáo hằng năm bao gồm: báo cáo tài chính hợp nhất, báo cáo tổng hợp kết quả kinh doanh hằng năm, báo cáo tổng hợp công tác quản lý, điều hành.

3. Báo cáo tài chính hằng năm của VEAM được lập một cách trung thực, khách quan, được kiểm toán trước khi trình Đại hội đồng cổ đông xem xét, thông qua. Tổng giám đốc VEAM tổ chức thực hiện việc lập các báo cáo nêu tại khoản 2 Điều này.

4. Tổng công ty sẽ lập các báo cáo tài chính 06 (sáu) tháng đầu năm, hàng quý và nộp cơ quan, tổ chức có thẩm quyền theo quy định của pháp luật.

5. Hội đồng quản trị theo dõi, giám sát việc lập báo cáo nêu tại khoản 2 Điều này; lập các báo cáo về tình hình kinh doanh của VEAM; các báo cáo về tình hình tài chính của VEAM, báo cáo đánh giá về công tác quản lý, điều hành VEAM và gửi đến Ban kiểm soát để thẩm định chậm nhất 30 (ba mươi) ngày trước ngày khai mạc cuộc họp thường niên của Đại hội đồng cổ đông.

6. Một bản tóm tắt nội dung báo cáo tài chính hằng năm đã được kiểm toán, sau khi được Ban kiểm soát thẩm định sẽ được niêm yết tại trụ sở chính VEAM và thông báo đến tất cả các cổ đông chậm nhất 07 (bảy) ngày làm việc trước ngày khai mạc cuộc họp thường niên của Đại hội đồng cổ đông. Các báo

cáo tài chính được kiểm toán, báo cáo quý và sáu tháng của VEAM được công bố trên website của VEAM.

7. Các báo cáo tài chính hằng năm được Đại hội đồng cổ đông thông qua gửi đến cơ quan Nhà nước có thẩm quyền theo quy định của pháp luật.

8. Trong trường hợp VEAM thực hiện niêm yết chứng khoán thì phải tuân thủ các quy định của pháp luật về việc lập báo cáo tài chính đối với công ty niêm yết.

Điều 73. Chế độ lưu giữ tài liệu của VEAM

1. VEAM lưu giữ tại trụ sở chính VEAM các tài liệu sau đây:

a) Điều lệ VEAM; sửa đổi, bổ sung Điều lệ VEAM; các quy chế quản lý nội bộ của VEAM;

b) Sổ đăng ký cổ đông;

c) Giấy phép thành lập và hoạt động; Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp;

d) Văn bằng bảo hộ quyền sở hữu công nghiệp; giấy chứng nhận đăng ký chất lượng sản phẩm; các giấy phép và giấy chứng nhận khác;

đ) Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị; Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát; các quyết định của VEAM;

e) Bản cáo bạch để phát hành chứng khoán;

g) Báo cáo của Ban kiểm soát, kết luận của cơ quan thanh tra, kiểm tra, kết luận của cơ quan kiểm toán độc lập;

h) Sổ kế toán, chứng từ kế toán, báo cáo tài chính hằng năm của VEAM, của các công ty con;

i) Báo cáo tài chính hợp nhất, báo cáo tổng hợp kết quả kinh doanh hằng năm, báo cáo tổng hợp công tác quản lý, điều hành VEAM;

k) Các tài liệu khác theo quy định của pháp luật.

2. Thời hạn lưu giữ các tài liệu nêu tại khoản 1 Điều này thực hiện theo quy định của pháp luật.

3. Tổng giám đốc VEAM chịu trách nhiệm tổ chức việc lưu giữ và bảo mật hồ sơ, tài liệu VEAM theo quy định của Điều lệ này và pháp luật.

Điều 74. Công bố thông tin và thông báo ra công chúng

1. Các báo cáo tài chính hằng năm và các tài liệu liên quan phải được VEAM gửi cho cơ quan Nhà nước có thẩm quyền theo quy định của pháp luật và phải được công bố theo quy định của pháp luật.

2. Trường hợp có yêu cầu thanh tra, kiểm tra, kiểm toán của các cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền, Tổng giám đốc là người chịu trách nhiệm tổ

chức cung cấp thông tin theo quy định của pháp luật về thanh tra, kiểm tra, kiểm toán.

CHƯƠNG VII **TỔ CHỨC LẠI, GIẢI THỂ, PHÁ SẢN** **VÀ GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP NỘI BỘ**

Điều 75. Tổ chức lại, giải thể, phá sản

1. Việc chia, tách, hợp nhất, sáp nhập và chuyển đổi VEAM thực hiện theo quy định có liên quan của pháp luật.

2. Tổng công ty giải thể trong các trường hợp sau:

a) Đại hội đồng cổ đông thông qua quyết định giải thể và chấm dứt hoạt động theo quy định của pháp luật;

b) Bị thu hồi giấy phép thành lập và hoạt động hoặc giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp;

c) Không còn đủ số lượng cổ đông tối thiểu theo quy định của pháp luật trong thời hạn 06 tháng liên tục.

3. VEAM chỉ giải thể khi bảo đảm thanh toán hết các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác.

4. Các quyết định giải thể VEAM do Đại hội đồng cổ đông thông qua theo quy định của pháp luật.

5. Chậm nhất trong thời hạn 06 tháng kể từ ngày có quyết định giải thể VEAM, Hội đồng quản trị thành lập Ban thanh lý gồm tối thiểu 03 (ba) thành viên, trong đó 02 (hai) thành viên do Đại hội đồng cổ đông chỉ định và một thành viên do Hội đồng quản trị chỉ định. Các thành viên Ban thanh lý có thể được lựa chọn trong số cán bộ, nhân viên của VEAM hoặc thuê chuyên gia độc lập. Ban thanh lý chuẩn bị các quy chế hoạt động của mình, quy trình và thủ tục thanh lý. Tất cả các chi phí liên quan đến thanh lý tài sản được VEAM ưu tiên thanh toán trước các khoản nợ khác của VEAM.

6. Ban thanh lý có trách nhiệm báo cáo cho cơ quan đăng ký kinh doanh về ngày được thành lập và ngày bắt đầu hoạt động. Kể từ thời điểm đó, Ban thanh lý sẽ thay mặt VEAM trong tất cả các công việc liên quan đến thanh lý VEAM trước Tòa án và các cơ quan có liên quan.

7. Tiền thu được từ việc thanh lý sẽ thanh toán theo thứ tự sau:

a) Các chi phí thanh lý;

b) Tiền lương và chi phí bảo hiểm theo quy định của pháp luật cho cán bộ nhân viên;

c) Thuế và các khoản nộp có tính chất thuế mà VEAM phải trả cho Nhà nước;

d) Các khoản vay nợ của VEAM;

e) Số dư còn lại sau khi đã thanh toán mọi khoản nợ từ điểm a đến điểm d khoản này được phân chia cho các cổ đông.

7. Các thủ tục và quy định khác liên quan đến giải thể VEAM thực hiện theo quy định có liên quan của pháp luật.

8. Việc phá sản VEAM thực hiện theo quy định của pháp luật về phá sản.

Điều 76. Giải quyết tranh chấp nội bộ

1. Trường hợp phát sinh tranh chấp hay khiếu nại có liên quan tới hoạt động của VEAM hay tới quyền và nghĩa vụ của các cổ đông theo quy định tại Điều lệ này, Luật Doanh nghiệp, các văn bản hướng dẫn hiện hành và bất kỳ luật hoặc các quy định hành chính khác giữa:

a) Cổ đông với VEAM;

b) Cổ đông với Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Tổng giám đốc hay cán bộ quản lý khác.

Các bên liên quan cố gắng giải quyết tranh chấp đó thông qua thương lượng và hoà giải. Trừ trường hợp tranh chấp liên quan tới Hội đồng quản trị hay Chủ tịch Hội đồng quản trị, Chủ tịch Hội đồng quản trị chủ trì việc giải quyết tranh chấp và yêu cầu từng bên trình bày các yếu tố thực tiễn liên quan đến tranh chấp trong vòng mười năm (15) ngày làm việc kể từ ngày tranh chấp phát sinh. Trường hợp tranh chấp liên quan tới Hội đồng quản trị hay Chủ tịch Hội đồng quản trị, bất cứ bên nào cũng có thể yêu cầu hoặc chỉ định một chuyên gia độc lập để hành động với tư cách là trọng tài cho quá trình giải quyết tranh chấp.

2. Trường hợp không đạt được quyết định hoà giải trong vòng sáu (06) tuần từ khi bắt đầu quá trình hoà giải hoặc nếu quyết định của trung gian hoà giải không được các bên chấp nhận, bất cứ bên nào cũng có thể đưa tranh chấp đó ra Trọng tài kinh tế hoặc Toà án kinh tế tại Việt Nam và theo pháp luật Việt Nam.

3. Các bên tự chịu chi phí của mình có liên quan tới thủ tục thương lượng và hoà giải. Việc thanh toán các chi phí của Toà án được thực hiện theo phán quyết của Toà án.

CHƯƠNG VIII SỬA ĐỔI ĐIỀU LỆ VÀ ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 77. Sửa đổi, bổ sung Điều lệ

1. Việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ này phải được Đại hội đồng cổ đông xem xét quyết định.

2. Trong trường hợp có những quy định của pháp luật có liên quan đến hoạt động của VEAM chưa được đề cập trong bản Điều lệ này hoặc trong

trường hợp có những quy định mới của pháp luật khác với những điều khoản trong Điều lệ này, thì những quy định của pháp luật đó đương nhiên được áp dụng và điều chỉnh hoạt động của VEAM.

Điều 78. Ngày hiệu lực

1. Bản Điều lệ này gồm 08 Chương, 78 Điều, được Đại hội đồng cổ đông Tổng công ty Máy động lực và Máy nông nghiệp Việt Nam-CTCP nhất trí thông qua ngày tháng 01 năm 2017 tại Hà Nội và có hiệu lực kể từ ngày tháng 01 năm 2017.

2. Điều lệ được lập thành mười (10) bản, có giá trị như nhau, trong đó:

- Một (01) bản nộp tại Phòng công chứng Nhà nước của địa phương;
- Năm (05) bản đăng ký tại cơ quan Nhà nước có thẩm quyền;
- Bốn (04) bản lưu giữ tại VEAM;

3. Điều lệ này là duy nhất và chính thức của VEAM.

4. Điều lệ này là cơ sở pháp lý cho tổ chức và hoạt động của VEAM. Các cổ đông, cá nhân liên quan, các đơn vị trực thuộc VEAM có trách nhiệm tuân thủ và thi hành Điều lệ này.

Các bản sao hoặc trích lục Điều lệ VEAM phải có chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc tối thiểu một phần hai (1/2) tổng số thành viên Hội đồng quản trị mới có giá trị./.

PHỤ LỤC 1:

**Các chi nhánh, đơn vị hạch toán phụ thuộc của Tổng công ty Máy
động lực và Máy nông nghiệp Việt Nam -CTCP**

1. Chi nhánh Tổng công ty - Nhà máy Đức;
2. Chi nhánh Tổng công ty - Khách sạn Cửa Lò, Nghệ An;
3. Chi nhánh Tổng công ty tại TP. Hồ Chí Minh;
4. Nhà máy ô tô VEAM.

PHỤ LỤC 2:

Các công ty con của Tổng công ty Máy động lực và Máy nông nghiệp Việt Nam -CTCP

- I. Các công ty con do VEAM sở hữu 100% vốn điều lệ:**
 - 1. Công ty TNHH MTV Cơ khí Trần Hưng Đạo;
 - 2. Công ty TNHH MTV Máy kéo và Máy nông nghiệp;
 - 3. Công ty TNHH MTV Động cơ và Máy nông nghiệp Miền Nam.
 - 4. Công ty TNHH MTV Diesel Sông Công
- II. Viện nghiên cứu khoa học do VEAM sở hữu 100% vốn điều lệ:**
 - 1. Viện Công nghệ;
- III. Các công ty do VEAM sở hữu trên 50% vốn điều lệ:**
 - 1. Công ty Cổ phần Phụ tùng máy số 1;
 - 2. Công ty Cổ phần Cơ khí Phổ Yên.
 - 3. Công ty Cổ phần Cơ khí Chính xác số 1;
 - 4. Công ty Cổ phần Cơ khí Cổ Loa;
 - 5. Công ty Cổ phần Vật tư và Thiết bị toàn bộ;
 - 6. Công ty Cổ phần Vận tải và Thương mại VEAM;
 - 7. Công ty VEAM KOREA.

PHỤ LỤC 3:

**Các công ty do Tổng công ty Máy động lực và Máy
nông nghiệp Việt Nam -CTCP
sở hữu dưới 50% vốn điều lệ**

1. Công ty Cổ phần Cơ khí Vinh;
2. Công ty Cổ phần Nakycos (Phụ tùng máy số 2);
3. Công ty Cổ phần Cơ khí An Giang;
4. Công ty Cổ phần MATEXIM Hải Phòng;
5. Công ty Cổ phần Đầu tư VEAM Tây Hồ;
6. Công ty TNHH HONDA Việt Nam;
7. Công ty TNHH TOYOTA Việt Nam;
8. Công ty TNHH MEKONG Auto;
9. Công ty cổ phần KUMBA./.

MỤC LỤC

Trang

PHẦN MỞ ĐẦU

CHƯƠNG I.

NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

| | | |
|--------|---|---|
| Điều 1 | Giải thích thuật ngữ | 1 |
| Điều 2 | Tên, loại hình doanh nghiệp, trụ sở, chi nhánh, văn phòng đại diện và thời hạn hoạt động của VEAM | 2 |
| Điều 3 | Hình thức pháp lý, chức năng và tư cách pháp nhân của VEAM | 3 |
| Điều 4 | Con dấu | 4 |
| Điều 5 | Người đại diện theo pháp luật của VEAM | 4 |
| Điều 6 | Mục tiêu, lĩnh vực và phạm vi sản xuất kinh doanh của VEAM | 4 |
| Điều 7 | Tổ chức chính trị - xã hội trong VEAM | 5 |

CHƯƠNG II.

VỐN ĐIỀU LỆ, CỔ PHẦN, CỔ PHIẾU, CỔ ĐÔNG

| | | |
|---------|--|----|
| Điều 8 | Vốn điều lệ | 5 |
| Điều 9 | Cổ phần | 6 |
| Điều 10 | Chuyển nhượng, chào bán, mua lại cổ phần | 6 |
| Điều 11 | Thu hồi cổ phần | 8 |
| Điều 12 | Chứng nhận cổ phiếu | 9 |
| Điều 13 | Chứng chỉ chứng khoán khác | 9 |
| Điều 14 | Cổ đông | 10 |
| Điều 15 | Quyền của cổ đông phổ thông | 10 |
| Điều 16 | Nghĩa vụ của cổ đông phổ thông | 12 |
| Điều 17 | Trách nhiệm của cổ đông lớn | 12 |
| Điều 18 | Sổ đăng ký cổ đông | 13 |

CHƯƠNG III.

CƠ CẤU TỔ CHỨC QUẢN LÝ

| | | |
|---------|---|----|
| Điều 19 | Cơ cấu tổ chức quản lý | 14 |
| Điều 20 | Đại hội đồng cổ đông | 14 |
| Điều 21 | Thẩm quyền triệu tập Đại hội đồng cổ đông | 14 |
| Điều 22 | Danh sách cổ đông có quyền dự họp đại hội đồng cổ đông | 16 |
| Điều 23 | Chương trình và nội dung họp đại hội đồng cổ đông | 16 |
| Điều 24 | Mời họp đại hội đồng cổ đông | 17 |
| Điều 25 | Thực hiện quyền dự họp đại hội đồng cổ đông | 17 |
| Điều 26 | Điều kiện tiến hành họp đại hội đồng cổ đông | 19 |
| Điều 27 | Thể thức tiến hành họp và biểu quyết tại đại hội đồng cổ đông | 20 |
| Điều 28 | Hình thức thông qua nghị quyết của đại hội đồng cổ đông | 22 |
| Điều 29 | Điều kiện để nghị quyết được thông qua | 22 |
| Điều 30 | Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua nghị quyết của đại hội đồng cổ đông | 23 |
| Điều 31 | Biên bản họp đại hội đồng cổ đông | 25 |
| Điều 32 | Yêu cầu hủy bỏ nghị quyết của đại hội đồng cổ đông | 25 |
| Điều 33 | Hiệu lực các nghị quyết của đại hội đồng cổ đông | 26 |

Mục 3. Hội đồng quản trị

| | | |
|---------|--|----|
| Điều 34 | Hội đồng quản trị | 26 |
| Điều 35 | Số lượng và nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị | 29 |
| Điều 36 | Tiêu chuẩn và điều kiện làm thành viên Hội đồng quản trị | 29 |
| Điều 37 | Chủ tịch Hội đồng quản trị | 30 |
| Điều 38 | Cuộc họp Hội đồng quản trị | 31 |
| Điều 39 | Thông qua nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị | 33 |

| | | |
|--|--|----|
| Điều 40 | Biên bản họp Hội đồng quản trị | 33 |
| Điều 41 | Quyền được cung cấp thông tin của thành viên Hội đồng quản trị | 34 |
| Điều 42 | Miễn nhiệm, bãi nhiệm và bổ sung thành viên Hội đồng quản trị | 34 |
| Điều 43 | Tiền lương, thù lao và lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị | 35 |
| Điều 44 | Các bộ phận giúp việc Hội đồng quản trị | 36 |
| Điều 45 | Tổng giám đốc | 36 |
| Điều 46 | Tiền lương, thù lao và lợi ích khác của Tổng giám đốc | 38 |
| Điều 47 | Giúp việc cho Tổng giám đốc | 38 |
| Điều 48 | Tiêu chuẩn, điều kiện của Tổng giám đốc | 39 |
| Điều 49 | Miễn nhiệm, bãi nhiệm và thay thế Tổng giám đốc | 39 |
| Điều 50 | Ban kiểm soát | 40 |
| Điều 51 | Quyền và nghĩa vụ của Ban kiểm soát | 40 |
| Điều 52 | Quyền được cung cấp thông tin của Ban kiểm soát | 41 |
| Điều 53 | Tiêu chuẩn và điều kiện của Kiểm soát viên | 42 |
| Điều 54 | Trưởng Ban kiểm soát | 43 |
| Điều 55 | Trình báo cáo hàng năm | 43 |
| Điều 56 | Tiền lương và quyền lợi khác của Kiểm soát viên | 44 |
| Mục 6. Trách nhiệm và quyền lợi của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, Kiểm soát viên và người quản lý VEAM | | |
| Điều 57 | Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi | 44 |
| Điều 58 | Quyền khởi kiện đối với thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc | 45 |
| Điều 59 | Hợp đồng, giao dịch phải được Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị chấp thuận | 46 |

| | | |
|---------|--|----|
| Điều 60 | Trách nhiệm về thiệt hại và bồi thường | 47 |
|---------|--|----|

**CHƯƠNG IV. QUAN HỆ GIỮA VEAM
VỚI CÁC ĐƠN VỊ TRỰC THUỘC, CÔNG
TY CON, CÔNG TY LIÊN KẾT**

| | | |
|---------|---|----|
| Điều 61 | Công ty mẹ, công ty con | 47 |
| Điều 62 | Quyền và trách nhiệm của công ty mẹ đối với công ty con | 48 |
| Điều 63 | Báo cáo tài chính của công ty mẹ và công ty con | 48 |

**CHƯƠNG V.
CƠ CHẾ TÀI CHÍNH**

| | | |
|---------|--|----|
| Điều 64 | Chế độ tài chính | 49 |
| Điều 65 | Hệ thống kế toán | 50 |
| Điều 66 | Năm tài chính | 50 |
| Điều 67 | Kiểm toán độc lập | 50 |
| Điều 68 | Kiểm toán nội bộ | 51 |
| Điều 69 | Phân phối lợi nhuận và trích lập các quỹ | 51 |
| Điều 70 | Cổ tức | 51 |

**CHƯƠNG VI.
QUYỀN KIỂM TRA SỔ SÁCH, HỒ SƠ VÀ
CHẾ ĐỘ BÁO CÁO**

| | | |
|---------|--|----|
| Điều 71 | Quyền kiểm tra sổ sách và hồ sơ | 52 |
| Điều 72 | Báo cáo tài chính | 53 |
| Điều 73 | Chế độ lưu giữ tài liệu của VEAM | 54 |
| Điều 74 | Công bố thông tin và thông báo ra công chúng | 54 |

**CHƯƠNG VII. TỔ CHỨC LẠI, PHÁ SẢN,
GIẢI THỂ VÀ GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP
NỘI BỘ**

| | | |
|---------|--------------------------------|----|
| Điều 75 | Tổ chức lại, giải thể, phá sản | 55 |
| Điều 76 | Giải quyết tranh chấp nội bộ | 55 |

**CHƯƠNG VIII. SỬA ĐỔI ĐIỀU LỆ VÀ
ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH**

| | | |
|---------|--------------------------|----|
| Điều 77 | Sửa đổi, bổ sung điều lệ | 56 |
| Điều 78 | Ngày hiệu lực | 56 |